

KẾT LUẬN THANH TRA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN PHƯỚC THÁI

Thực hiện Quyết định thanh tra số 05/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 13/12/2023 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai (NHNN CN tỉnh Đồng Nai) về việc Thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Phước Thái (QTDND Phước Thái). Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại QTDND Phước Thái từ ngày 22/12/2023 đến ngày 24/01/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra QTDND Phước Thái ngày 07/02/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra, giám sát NHNN CN tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động

- QTDND Phước Thái được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-ĐNAI.6 ngày 12/04/2010 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 037/NH-GP ngày 12/04/2010 của NHNN CN tỉnh Đồng Nai; Đăng ký kinh doanh số 3602299946 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 22/04/2010, thay đổi lần thứ 08 ngày 27 tháng 6 năm 2023.

- Địa bàn hoạt động 05 xã gồm: xã Phước Thái, xã Tân Hiệp, xã Bàu Cạn, xã Phước Bình và xã Long Phước thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ trụ sở: Ấp 01C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Số lượng thành viên tại thời điểm 31/12/2022 là 3.620 thành viên và thời điểm 30/11/2023 là 3.719 thành viên.

- Tình hình nhân sự nhiệm kỳ III (2021-2026): QTDND Phước Thái thành lập hoạt động bộ máy quản trị và điều hành riêng. Đến thời điểm 30/11/2023, QTDND Phước Thái có tổng số 28 người làm việc tại Quỹ.

- Cơ cấu tổ chức:

+ Hội đồng quản trị (HĐQT): 03 người, gồm: Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách (ông Nguyễn Trung Lai); 02 thành viên HĐQT (bà Nguyễn Thị Bích Thủy và bà Thạch Thị Pho Li).

+ Ban Kiểm soát (BKS): 03 người, gồm: Trưởng Ban kiểm soát (bà Nguyễn Như Ngọc Hạnh) làm việc theo chế độ chuyên trách và 02 kiểm soát viên (bà Nguyễn Xuân Thủy và bà Nguyễn Thị Minh Ánh).

+ Ban điều hành: 03 người, gồm: 01 Giám đốc (ông Ngô Đức Duy) và 02 Phó Giám đốc (ông Hà Trọng Hùng và bà Nguyễn Ngọc Tú Uyên).

+ Các bộ phận chuyên môn 19 người: kế toán (4 người), tín dụng (4 người), nhân viên kinh doanh (4 người), kho quỹ (1 người), bảo vệ (3 người), tạp vụ (1 người), tài xế (1 người), nhân viên IT (1 người).

- Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 1 người; Thạc sĩ: 2 người; Đại học: 12 người, Cao đẳng: 1 người; Trung cấp: 4 người, Chưa qua đào tạo: 8 người; Số người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 19 người.

2. Tình hình hoạt động:

2.1. Về nguồn vốn hoạt động

Tổng nguồn vốn đến 30/11/2023 đạt 336.745 triệu đồng, tăng 31.186 triệu đồng, tỷ lệ tăng 10,2% so với thời điểm 31/12/2022;

- Vốn huy động: Thời điểm 30/11/2023 là 304.832 triệu đồng, tăng 28.777 triệu đồng, tỷ lệ tăng 10,4% so với 31/12/2022. Toàn bộ là huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng, vốn vay là 0 đồng.

- Vốn và các quỹ đạt 22.012 triệu đồng, chiếm 6,5% tổng nguồn vốn, tăng 2.712 triệu đồng so với 31/12/2022, trong đó: Vốn điều lệ: 12.000 triệu đồng, tăng 2.000 triệu đồng, tỷ lệ tăng 20% so với 31/12/2022.

- Vay Ngân hàng Hợp tác xã (NHHTX): Không phát sinh.

2.2. Về sử dụng vốn

- Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ của QTDND Phước Thái đến 30/11/2023 là 296.011 triệu đồng, tăng 22.525 triệu đồng, tỷ lệ tăng 8,24% so với 31/12/2022. Trong đó: nợ xấu là 4.707 triệu đồng, chiếm 1,59%/tổng dư nợ, nợ nhóm 2 là 23.224 triệu đồng, chiếm 7,8%/ tổng dư nợ.

- Tiền gửi tại các TCTD khác: 35.335 triệu đồng tăng 15.418 triệu, tỷ lệ tăng 77,4% so với 31/12/2022, trong đó tiền gửi tại Ngân hàng Hợp tác xã là 32.179 triệu đồng và tiền gửi tại các TCTD khác là 3.156 triệu đồng, đây là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác.

2.3. Kết quả kinh doanh:

Cuối năm 2022 lãi sau khi trừ thuế là 2.342 triệu đồng; đến 30/11/2023 thu nhập cao hơn chi phí là 2.107 triệu đồng;

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thanh tra vốn điều lệ, giới hạn góp vốn:

1.1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ:

QTDND Phước Thái thực hiện quy định về vốn điều lệ; kết nạp, chấm dứt tư cách thành viên; chuyển nhượng, hoàn trả, hạch toán vốn góp, chia lãi vốn góp theo Điều lệ của Quỹ và quy định nội bộ, nghị quyết của HĐQT. Nội dung bản Điều lệ cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày

31/3/2015 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân (Thông tư 04/2015/TT-NHNN) và các Thông tư sửa đổi, bổ sung gồm Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017, Thông tư 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019, Thông tư 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023.

1.2. Thực trạng vốn điều lệ

1.2.1. Thực trạng vốn điều lệ, vốn góp và giới hạn vốn góp tại một số thời điểm như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022		Thời điểm 30/11/2023		So sánh thời điểm 30/11/2023 với 31/12/2022	
	Số Thành viên	Số tiền	Số Thành viên	Số tiền	Số Thành viên	Số tiền
I. Vốn điều lệ	10.000		12.000		2.000	
1 Vốn điều lệ hình thành từ vốn góp	10.000		12.000		2.000	
- Vốn xác lập tư cách thành viên	3.620	879	3.719	915	99	36
- Vốn góp thường xuyên (bổ sung)	11	8.484	11	10.470	0	1.986
- Vốn góp bổ sung	2.465	637	2.397	615	(68)	(22)
2 Vốn điều lệ hình thành từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0		0		0	
Tỷ lệ vốn góp của thành viên/vốn điều lệ (%)	100%		100%			
Tỷ lệ vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/vốn điều lệ (%)	0%		0%			
II. Tỷ lệ, giới hạn vốn góp thành viên						
1. Mức vốn góp tối đa của 01 thành viên/VĐL (%)	8,3%		8,75%			
2. Mức vốn góp tối đa của một thành viên và người liên quan/VĐL (%)	16,5%		17,2%			

Nhìn chung, vốn điều lệ của Quỹ có xu hướng tăng dần theo thời gian đảm bảo lớn hơn mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng quy định tại Nghị định 86/2019/NĐ-CP. Đến 30/11/2023, vốn điều lệ đạt 12.000 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 54,5% vốn chủ sở hữu và chiếm 3,6% trong tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ, tăng 2.000 triệu đồng, tỷ lệ tăng 20% so với 31/12/2022. Trong đó, vốn điều lệ được hình thành từ vốn góp của thành viên là 12.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ, Quỹ chưa sử dụng các quỹ để tăng vốn điều lệ.

1.2.2. Cơ cấu vốn điều lệ:

- Đến 31/12/2022 vốn điều lệ đạt 10.000 triệu đồng với 3.719 thành viên góp vốn, trong đó: Vốn góp xác lập tư cách thành viên: 879 triệu đồng với 3.620 thành viên góp vốn, chiếm tỷ lệ 8,79% vốn điều lệ; vốn góp thường xuyên (bổ sung): 8.484 triệu đồng với 11 thành viên góp vốn, chiếm tỷ lệ 84,84% vốn điều lệ; Vốn góp bổ sung: 637 triệu đồng với 2.465 thành viên góp vốn, chiếm tỷ lệ 6,37% vốn điều lệ.

- Đến 30/11/2023 vốn điều lệ đạt 12.000 triệu đồng với 3.719 thành viên vốn góp, trong đó: trong đó vốn góp xác lập là 915 triệu đồng với 3.719 thành viên góp vốn chiếm 7,6% vốn điều lệ, vốn góp thường xuyên (bổ sung): là 10.470 triệu đồng với 11 thành viên góp vốn chiếm 87,3% vốn điều lệ, vốn góp bổ sung là 615 triệu đồng với 2.397 thành viên góp vốn, chiếm 5,1% vốn điều lệ.

1.3. Về thực hiện trình tự thủ tục tăng giảm vốn điều lệ:

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái đã có 02 lần thực hiện trình tự, thủ tục thay đổi vốn điều lệ, cụ thể:

- Tháng 4 năm 2022, QTDND Phước Thái có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 7.300 triệu đồng tăng lên 10.000 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi bổ sung giấy phép hoạt động số 68/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 22/4/2022. QTDND Phước Thái đã đăng ký sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3602299946, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/8/2022 với mức vốn điều lệ đăng ký là 10.000 triệu đồng.

- Tháng 5 năm 2023, QTDND Phước Thái có hồ sơ đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ từ 10.000 triệu đồng tăng lên 12.000 triệu đồng và đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo Quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động số 81/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 30/05/2023. QTDND Phước Thái đã đăng ký sửa đổi giấy phép kinh doanh số 3602299946, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/6/2023 với mức vốn điều lệ đăng ký là 12.000 triệu đồng.

Như vậy, QTDND Phước Thái đã thực hiện trình tự, thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (Thông tư 05/2018/TT-NHNN), Thông tư 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (Thông tư 21/2019/TT-NHNN) và Thông tư 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 05/2018/TT-NHNN.

1.4. Về góp vốn của thành viên:

1.4.1. Việc thu vốn góp xác lập tư cách thành viên

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái đã thực hiện thu mức vốn góp xác lập tư cách thành viên là 300.000 đồng/thành viên đối với các cá nhân đề nghị

tham gia thành viên theo đúng quy định khoản 1 Điều 28 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bởi Thông tư 21/2019/TT-NHNN), cụ thể:

- Trong năm 2022, thực hiện thu vốn góp xác lập của 230 cá nhân đề nghị tham gia thành viên QTDND Phước Thái với số tiền 69,6 triệu đồng.

- Trong năm 2023, thực hiện thu vốn góp xác lập của 190 cá nhân đề nghị tham gia thành viên QTDND Phước Thái với số tiền 57,5 triệu đồng.

Vốn góp xác lập tư cách thành viên của các cá nhân chưa phải là thành viên được hạch toán vào tài khoản 4599 – “Các khoản chờ thanh toán” trong khi chờ ghi nhận vào vốn điều lệ, sau khi được Đại hội thành viên (ĐHTV) thông qua danh sách kết nạp thành viên mới và được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ, vốn góp xác lập của thành viên mới được hạch toán vào tài khoản 6010 – “Vốn góp của thành viên” theo hướng dẫn tại Công văn số 294/NHNN-TCKT ngày 11/01/2019 của NHNN Việt Nam (Công văn số 294/NHNN-TCKT).

1.4.2. Việc thu vốn góp bổ sung:

Theo Điều lệ quy định việc góp vốn bổ sung được thực hiện như sau: *“ĐHTV thông qua việc không quy định mức thu vốn góp bổ sung. Nếu có nhu cầu thu vốn góp bổ sung, HĐQT quỹ tín dụng trình ĐHTV thông qua”*. Trong thời kỳ thanh tra, HĐQT đã trình ĐHTV thông qua việc thu vốn góp bổ sung theo Điều lệ hoạt động, cụ thể như sau:

- Trong năm 2022, thu vốn góp bổ sung của 155 thành viên 2.721,6 triệu đồng, trong đó thu vốn góp bổ sung của 145 thành viên với số tiền 21,6 triệu đồng do chưa đảm bảo mức vốn góp tối thiểu và thu vốn góp bổ sung của 10 thành viên góp vốn thường xuyên với số tiền 2.700 triệu đồng.

- Trong năm 2022, thu vốn góp bổ sung của 10 thành viên góp vốn thường xuyên với số tiền 1.985,4 triệu đồng.

Vốn góp bổ sung được thực hiện thu sau khi đại hội thành viên thông qua việc tăng vốn điều lệ và hạch toán vào tài khoản 4599 – “Các khoản chờ thanh toán”. Sau khi được NHNN CN tỉnh Đồng Nai chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ Quỹ đã hạch toán vào tài khoản vào tài khoản 6010 – “Vốn góp của thành viên” theo hướng dẫn tại Công văn số 294/NHNN-TCKT.

1.4.3. Về giới hạn vốn góp:

- Mức vốn góp cao nhất của 01 thành viên tại thời điểm 31/12/2022 là 851,6 triệu đồng (thành viên Nguyễn Thị Như Ý), chiếm 8,51% vốn điều lệ và tại thời điểm 30/11/2023 là 1.049,8 triệu đồng (thành viên Nguyễn Trung Lai, thành viên Nguyễn Thị Như Ý), chiếm 8,75% vốn điều lệ.

- Mức vốn góp tối đa của một thành viên và người liên quan: mức vốn tối đa của thành viên và người liên quan cao nhất tại thời điểm 31/12/2022 là 1.665,7 triệu đồng (thành viên Nguyễn Trung Lai, vốn góp 571,4 triệu đồng và thành viên Nguyễn Võ Đan My, vốn góp 814,3 triệu đồng), chiếm 16,5% vốn điều lệ và tại thời điểm 30/11/2023 là 2.062,5 triệu đồng (thành viên Nguyễn Trung Lai, vốn góp

1.049,8 triệu đồng và thành viên Nguyễn Võ Đan My, vốn góp 1.012,7 triệu đồng), chiếm 17,2%/vốn điều lệ.

Như vậy, tỷ lệ góp vốn cao nhất của một thành viên theo danh sách góp vốn tại thời điểm 31/12/2022 là 8,51% vốn điều lệ và tại thời điểm 30/11/2023 là 8,75% vốn điều lệ (< 10%), tuân thủ quy định về giới hạn vốn góp tối đa đối với 01 thành viên theo quy định tại điểm 2 Điều 28 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung theo điểm 2 khoản 15 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN): “2. Tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên không được vượt quá 10% vốn điều lệ của QTDND”.

1.4.4. Về mở sổ theo dõi:

QTDND Phước Thái thực hiện mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp của thành viên góp vốn trên hệ thống phần mềm kế toán theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 28 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung theo điểm 6 khoản 15 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN) “6. QTDND phải mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp.”

1.4.5. Về việc phát hành thẻ thành viên và mẫu sổ vốn góp:

QTDND Phước Thái thực hiện in ấn và sử dụng thẻ thành viên theo mẫu do NHHTX hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống và phát hành sổ vốn góp theo mẫu tại Phụ lục số 05 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 01/2023/TT-NHNN) cho thành viên sau khi ĐHTV thông qua danh sách kết nạp thành viên mới theo đúng quy định tại tiết b, tiết c điểm 4 khoản 15 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN. “b) Phát hành Thẻ thành viên theo mẫu do NHHTX hướng dẫn thống nhất trên toàn QTDND cho thành viên mới sau khi được ĐHTV thông qua danh sách kết nạp thành viên mới; c) Phát hành sổ vốn góp do QTDND in ấn theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này cho thành viên mới sau khi ĐHTV thông qua danh sách kết nạp thành viên mới”.

1.5. Về việc chuyển nhượng, hoàn trả vốn góp:

1.5.1. Về việc chuyển nhượng vốn góp:

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái thực hiện xác nhận chuyển nhượng vốn góp cho 01 thành viên với số tiền chuyển nhượng 519,32 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 7,1% vốn điều lệ, cụ thể:

- Ngày 01/4/2022, thành viên Nguyễn Văn Sáng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho thành viên Nguyễn Như Ngọc Hạnh số tiền 519,32 triệu đồng. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thành viên Nguyễn Văn Sáng đã thanh toán xong các nghĩa vụ tài chính đối với QTDND Phước Thái, tự nguyện ra khỏi thành viên của QTDND Phước Thái; Tổng vốn góp của thành viên Nguyễn Như Ngọc Hạnh sau khi nhận chuyển nhượng là 519,37 triệu đồng chiếm 7,11% vốn điều lệ của QTDND Phước Thái.

- Qua kiểm tra hồ sơ chuyển nhượng nhận thấy QTDND Phước Thái đã thực hiện chuyển nhượng vốn góp của thành viên theo đúng quy định tại điều lệ QTDND Phước Thái và theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm 1 khoản 16 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN). “1. Thành viên được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn góp của mình cho thành viên khác Việc chuyển nhượng vốn góp của thành viên phải đảm bảo:; b) Việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp chỉ được thực hiện sau khi thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay và nghĩa vụ tài chính khác đối với QTDND; c) Thành viên nhận chuyển nhượng vốn góp phải đáp ứng quy định về tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên ...”.

Tuy nhiên, QTDND Phước Thái chưa thực hiện báo cáo NHNN CN tỉnh Đồng Nai về việc chuyển nhượng vốn góp của những thành viên có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% vốn điều lệ là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 05/2018/TT-NHNN “2. QTDND phải báo cáo NHNN chi nhánh nơi đặt trụ sở chính về việc chuyển nhượng phần vốn góp đối với thành viên có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% vốn điều lệ của QTDND trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng”.

Trách nhiệm liên quan: Chủ tịch HĐQT Nguyễn Trung Lai

1.5.2. Về việc hoàn trả vốn góp: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái thực hiện hoàn trả vốn góp cho các thành viên góp vốn xác lập chấm dứt tư cách thành viên sau khi ĐHTV thông qua, cụ thể:

- Năm 2022, ĐHTV đã khai trừ 279 thành viên với tổng vốn góp 91,45 triệu đồng, trong năm đã hoàn trả vốn góp cho 92 thành viên với tổng số tiền 30,3 triệu đồng (bao gồm thành viên đã khai trừ những năm trước), còn lại vốn góp những thành viên đã khai trừ nhưng chưa hoàn trả tiền đang theo dõi trên tài khoản 4521 – “Tiền đợi thanh toán”;

- Năm 2023, ĐHTV đã khai trừ 91 thành viên với tổng vốn góp 42,85 triệu đồng, trong năm đã hoàn trả vốn góp cho 95 thành viên với tổng số tiền 31,55 triệu đồng (bao gồm thành viên đã khai trừ những năm trước), còn lại vốn góp những thành viên đã khai trừ nhưng chưa hoàn trả tiền đang theo dõi trên tài khoản 4521 – tiền đợi thanh toán;

Việc hoàn trả vốn góp cho thành viên được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 30 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm 2, điểm 3 khoản 16 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN): “2. Việc hoàn trả vốn góp cho thành viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với thành viên: Thành viên đã giải quyết dứt điểm các nghĩa vụ tài chính của mình đối với QTDND,...; 3. Việc hoàn trả vốn góp của thành viên phải được ĐHTV của QTDND thông qua trên cơ sở báo cáo thẩm định điều kiện, danh sách thành viên xin ra và danh sách khai trừ thành viên QTDND của HĐQT...”

1.6. Việc chia lãi cho thành viên:

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái hoạt động kinh doanh có lãi và thực hiện chia lãi cho thành viên góp vốn theo đúng Nghị quyết của ĐHTV thường niên. Cụ thể:

- Năm 2022: QTDND Phước Thái xây dựng và trình ĐHTV thường niên ngày 25/3/2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, trong đó phân phối lợi nhuận cho các thành viên vốn góp với tổng số tiền là 1.094,3 triệu đồng (tương đương mức lãi suất 12%/số dư vốn góp) bao gồm chi lãi vốn góp cho 11 thành viên góp vốn thường xuyên số tiền 919,6 triệu đồng và lãi vốn góp xác lập tư cách thành viên/vốn góp bổ sung số tiền 174,7 triệu đồng đã được ĐHTV thống nhất đưa vào Quỹ phúc lợi để chăm sóc, phúc lợi cho thành viên.

- Năm 2023: QTDND Phước Thái chi tạm ứng lãi cổ tức năm 2023 (phiếu chi số 100128 ngày 19/7/2023) cho 11 thành viên góp vốn thường xuyên số tiền 848,4 triệu đồng tương đương mức lãi suất 10%/số dư vốn góp theo Nghị quyết 06/2023-NQ-HĐQT ngày 04/7/2023 của Hội đồng quản trị. Việc chi tạm ứng lãi cổ tức đã được QTDND Phước Thái trình ĐHTV thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023, đảm bảo các thành viên được cung cấp đầy đủ thông tin theo nguyên tắc tổ chức hoạt động của một hợp tác xã quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012: “3. Thành viên, hợp tác xã thành viên được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của điều lệ”.

1.7. Việc xác minh vốn góp:

Thực hiện xác minh vốn góp đối với 09 thành viên tham gia góp vốn có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% vốn điều lệ với tổng số tiền vốn góp là 8.370,4 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 69,75% vốn điều lệ (*Chi tiết tại biểu số 01 – Danh sách đối chiếu xác minh thực tế thành viên góp vốn*). Kết quả xác minh nhận thấy: Các thành viên góp vốn vào QTDND Phước Thái đúng theo số tiền ghi trên sổ góp vốn, có hộ khẩu thường trú nằm trong địa bàn hoạt động của QTDND Phước Thái.

2. Thanh tra thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh

2.1. Việc ban hành quy định, chính sách nội bộ về hoạt động thu chi tài chính

Trong thời kỳ thanh tra, chế độ thu, chi tài chính của QTDND Phước Thái được tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong Quỹ theo các quy định, chính sách nội bộ như sau:

- Quy chế tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 06/2021/QĐ-QTD.PT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy chế chi tiêu nội bộ QTDND Phước Thái ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021 của Chủ tịch HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy chế mua sắm, quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản của QTDND Phước Thái ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-QTD.PT ngày 19/8/2019 của HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy chế chi hoa hồng đơn vị liên kết của QTDND Phước Thái ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-QTD.PT ngày 26/3/2016 của HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy chế mua sắm, quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản của QTDND Phước Thái ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-QTDPT ngày 14/9/2021 của HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy chế nhân viên và tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/9/2021 của HĐQT QTDND Phước Thái.

- Quy định về việc tổ chức chương trình khuyến mại cho khách hàng tại QTDND Phước Thái ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021

Như vậy, QTDND Phước Thái cập nhật, ban hành kịp thời chế độ tài chính đối với QTDND theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước và của Bộ tài chính tại Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 12/02/2018 hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với QTDND và ban hành một số quy định nội bộ điều chỉnh các khoản chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ để việc thực hiện được thống nhất, phù hợp với nguồn kinh phí được sử dụng và chủ động được tài chính. Tuy nhiên, các Quy định tài chính của Quỹ QTDND Phước Thái chưa có nội dung quy định về việc lưu trữ chứng từ kế toán do đó qua chọn mẫu kiểm tra chứng từ kế toán một số thời điểm việc lưu trữ chứng từ kế toán chưa thực hiện đúng quy định, chưa đảm bảo được việc quản lý chặt chẽ và thuận tiện cho việc tra cứu, lưu trữ.

Trách nhiệm có liên quan: Giám đốc Ngô Đức Duy, Kế toán trưởng Nguyễn Thị Hoàng Khánh.

2.2. Việc thực hiện quy định về chứng từ kế toán

Qua kết quả chọn mẫu kiểm tra chứng từ kế toán các tháng 10,11,12/2022 và tháng 01,02,05,06,10,11/2023 nhận thấy chứng từ kế toán được phân loại, đóng thành tập và ghi các yếu tố như: loại chứng từ, ngày tháng chứng từ, số hiệu chứng từ, các chứng từ ghi sổ có chứng từ gốc kèm theo, việc hạch toán kế toán được thực hiện kịp thời, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo nguyên tắc kế toán. Tuy nhiên, qua kiểm tra nhận thấy chứng từ kế toán phát sinh trong tháng sau khi được đóng tập không được đánh số thứ tự chứng từ, ngoài bìa tập chứng từ không ghi số lượng chứng từ trong tập và đánh số nhật ký chứng từ là không đúng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của NHNN Việt Nam về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng.

Trách nhiệm có liên quan: Giám đốc Ngô Đức Duy, Kế toán trưởng Nguyễn Thị Hoàng Khánh.

2.3. Khái quát một số khoản mục tài sản và nguồn vốn của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra:

Đơn vị tính: triệu đồng

A	TÀI SẢN	31/12/2022	30/11/2023	So sánh 30/11/2023 với năm 2022	
		(1)	(2)	+/-	+/-%
I	Tiền mặt	7.904	1.946	-5.958	-75,38%
II	Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước				
III	Tiền gửi tại các TCTD khác	19.919	35.335	15.416	77,39%
1	Tiền gửi tại NHHTX	12.545	32.179	19.634	156,51%
2	Tiền gửi tại các TCTD khác	7.372	3.156	-4.216	57,19%
IV	Cho vay khách hàng	270.783	292.310	21.527	7,95%
1	Cho vay khách hàng	273.486	296.011	22.525	8,24%
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(2.703)	(3.701)	998	36,92%
V	Góp vốn, đầu tư dài hạn	19	20	1	5,26%
1	Đầu tư dài hạn khác	19	20	1	5,26%
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				
VI	Tài sản cố định	3.639	2.458	-1.181	-32,45%
1	Tài sản cố định hữu hình	3.555	2.458		
a	Nguyên giá TSCĐ	5.162	5.199		
b	Hao mòn TSCĐ	(1.606)	(2.741)		
2	Tài sản cố định thuê tài chính				
a	Nguyên giá TSCĐ				
b	Hao mòn TSCĐ				
3	Tài sản cố định vô hình	83	0	-83	-100%
a	Nguyên giá TSCĐ	500	500		
b	Hao mòn TSCĐ	(417)	(500)		
VII	Tài sản Có khác	3.482	4.675	1.193	34,26%
1	Các khoản phải thu	1.383	1.465		
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.732	3.110		
3	Tài sản Có khác	367	100		

4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác				
	TỔNG TÀI SẢN	305.744	336.745	31.001	10,14%
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I	Các khoản nợ chính phủ và NHNN				
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.100	0	-2.100	-100%
1	Tiền gửi của các TCTD khác				
2	Vay các TCTD khác	2.100	0		
III	Tiền gửi của khách hàng	276.055	304.832	28.777	10,42%
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay QTD chịu rủi ro			-	
V	Các khoản nợ khác	8.188	9.901	1.713	20,92%
1	Các khoản lãi, phí phải trả	5.741	7.318		
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.447	2.583		
3	Dự phòng rủi ro khác			-	
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	286.343	316.840	30.497	10,65%
VI	Vốn và các quỹ	19.401	19.905	504	2,60%
1	Vốn của Quỹ tín dụng	10.000	12.000		
a	Vốn điều lệ	10.000	12.000		
b	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ				
c	Vốn khác				
2	Quỹ của Quỹ tín dụng	7.085	7.905		
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
5	Lợi nhuận chưa phân phối/lỗ lũy kế	2.316			
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU	305.744	336.745	31.001	10,14%

Hoạt động của QTDND Phước Thái đến 30/11/2023 về cơ bản vẫn tăng trưởng ổn định, chất lượng hoạt động tương đối hiệu quả, đồng đều. Tín dụng, tiền gửi huy động là khoản mục tài sản quan trọng, chủ yếu của QTDND Phước Thái và trong thời kỳ kiểm tra, hoạt động cho vay và huy động tăng trưởng đều qua các thời điểm. Vốn chủ sở hữu thời điểm sau tăng so với thời điểm trước, chủ yếu được hình thành từ lợi nhuận hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận. Kết quả hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động, dư nợ cho vay tương đối phù hợp và nguồn vốn huy động chưa sử dụng hết được gửi tại

NHHTX Chi nhánh Đồng Nai thể hiện cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn hợp lý, hiệu quả.

Đến 30/11/2023, Quỹ đã tất toán khoản vay tại NHHTX Chi nhánh Đồng Nai cho thấy Quỹ đã chủ động được nguồn vốn huy động từ thành viên/khách hàng trên địa bàn hoạt động để cho thành viên vay vốn và đảm bảo khả năng thanh toán tuy nhiên chi phí vốn sẽ tăng cao hơn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Tổng mức nhận tiền gửi qua các thời điểm đảm bảo không vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu tại điểm 2 khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

Tỷ lệ tiền mặt/tổng tài sản tại các thời điểm như sau: 31/12/2022 là 2,59%, 30/11/2023 là 0,58%; Tỷ lệ “Tài sản có khác/Tổng tài sản” tại các thời điểm như sau: 31/12/2022 là 1,14%, 30/11/2023 là 1,39% cho thấy định mức tồn quỹ tiền mặt, tỷ lệ “Tài sản có khác/Tổng tài sản” đảm bảo tỷ lệ khuyến nghị của NHNN Việt Nam nhằm hạn chế rủi ro mất an toàn kho quỹ và giảm khả năng sinh lời của Quỹ.

Báo cáo tài chính của QTDND Phước Thái năm 2022 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Thăng Long – T.K.D theo đúng quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của NHNN Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.4. Tình hình thu, chi và kết quả kinh doanh của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra:

Theo số liệu báo cáo của QTDND Phước Thái, thực trạng doanh thu, chi phí trong thời kỳ thể hiện qua bảng sau (báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán):

Đơn vị tính: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	31/12/2022	30/11/2023
A	LÃI/LỖ TỪ THU NHẬP THUẦN	24.828	17.864
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	43.804	38.874
1	Thu nhập lãi tiền gửi	4.002	1.740
2	Thu nhập lãi cho vay	39.802	37.134
II	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	18.976	21.010
1	Trả lãi tiền gửi	18.459	20.590
2	Trả lãi tiền vay	469	395
3	Các khoản khác từ hoạt động tín dụng	48	25
B	LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ	(795)	(339)
I	Thu nhập hoạt động dịch vụ		
II	Chi phí hoạt động dịch vụ	795	339

C	LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC	(123)	(147)
I	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác		
II	Chi về hoạt động kinh doanh khác	123	147
D	THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN		
E	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	20.839	13.882
I	Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	67	25
II	Chi phí cho nhân viên	10.151	8.097
1	<i>Lương và phụ cấp</i>	8.206	6.747
2	<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	765	786
3	<i>Chi trợ cấp</i>	124	0
4	<i>Các khoản chi khác cho nhân viên</i>	927	564
III	Chi về tài sản	4.495	2.411
IV	Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.695	3.026
V	Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	431	323
F	LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC DPRR	3.071	3.507
F	CHI PHÍ DPRR	198	998
G	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.873	2.509
H	CHI PHÍ THUẾ TNDN	531	402
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.342	2.107

Cơ cấu doanh thu của QTDND Phước Thái gồm thu nhập từ lãi cho vay và thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trong đó thu lãi cho vay chiếm trên 90% tổng thu, như vậy cho vay là hoạt động chủ yếu đem lại lợi nhuận cho Quỹ. Các khoản thu nhập của Quỹ được phản ánh đầy đủ vào doanh thu trong năm tài chính. Chi phí của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra là các khoản chi phí cho hoạt động tín dụng, chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí, chi cho nhân viên, chi cho hoạt động quản lý và công vụ, chi về tài sản, chi phí dự phòng, bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi của khách hàng và chi phí khác.

Hoạt động kinh doanh hiệu quả, tốt, kết quả kinh doanh trong thời kỳ kiểm tra đều có lãi, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước, chia lãi vốn góp cho thành viên và trích lập các quỹ tăng vốn chủ sở hữu.

2.5. Tình hình sử dụng chi phí của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra: Tổng chi phí hoạt động của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Thời điểm	
		Năm 2022	30/11/2023
1	Chi hoạt động tín dụng	18.976	21.011
2	Chi hoạt động dịch vụ	795	339
3	Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	599	427
4	Chi cho nhân viên (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT,...)	10.151	8.097
4.1	Lương và phụ cấp	8.206	6.747
4.2	Các khoản chi đóng góp theo lương	765	786
4.3	Chi trợ cấp	124	0
4.4	Các khoản chi khác cho nhân viên	927	564
5	Chi cho hoạt động quản lý và công cụ	5.699	3.026
5.1	Chi vật liệu và giấy tờ in	982	419
5.2	Chi công tác phí	42	69
5.3	Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	685	316
5.4	Chi bưu phí và điện thoại	21	21
5.5	Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi	1.958	1.193
5.6	Chi các hoạt động đoàn thể của QTD	27	19
5.7	Các khoản chi phí quản lý khác	1.983	989
+	<i>Điện, nước, vệ sinh cơ quan</i>	95	185
+	<i>Hội nghị</i>	1.026	355
+	<i>Lễ tân, khánh tiết</i>	429	197
+	<i>Chi khác</i>	433	252
7	Chi về tài sản	4.492	2.411
7.1	Khấu hao TSCĐ	1.410	1.218
7.2	Bảo dưỡng và sửa chữa TS	181	212

7.3	Mua sắm công cụ lao động	2.144	286
7.4	Chi bảo hiểm tài sản	37	34
7.5	Chi thuê tài sản	720	660
8	Chi dự phòng, bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi khách hàng	629	1.321
9	Chi phí khác	123	147
	Tổng cộng	41.464	36.779

Cơ cấu chi phí của QTDND Phước Thái chiếm tỷ trọng lớn nhất là khoản chi trả lãi tiền gửi và chi cho nhân viên, chi quản lý công vụ và chi về tài sản chiếm tỷ trọng lớn thứ hai. Trong đó: Chi phí hoạt động tín dụng là khoản chi trả lãi tiền gửi, chi phí khác cho hoạt động tín dụng; Chi phí hoạt động chủ yếu là khoản chi lương, bảo hiểm, các khoản phí (điện nước, bưu điện...), chi phí văn phòng, khấu hao tài sản cố định, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản, mua sắm công cụ lao động, chi dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi đào tạo, chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi lễ tân, khánh tiết, chi khác... Việc sử dụng các khoản mục chi phí thời điểm 30/11/2023 so với năm 2022 về cơ bản chưa có sự biến động.

2.6. Kiểm tra việc phân phối lợi nhuận:

+ Năm 2022: Thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2021, việc phân phối lợi nhuận năm 2021 được Đại hội đại biểu thành viên thông qua theo Nghị quyết Đại hội đại biểu thành viên số 03/2022/NQ.ĐHTV ngày 30/3/2022.

+ Năm 2023: Thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2022, việc phân phối lợi nhuận năm 2022 được Đại hội đại biểu thành viên thông qua theo Nghị quyết Đại hội đại biểu thành viên số 01/2023/NQ.ĐHTV ngày 25/3/2023, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quy định	Năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ trích thực tế
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm 2023. Trong đó, phân phối trong năm		2.316	
Tổng phân phối trong năm		1.391	
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	117	5%
Trích quỹ dự phòng tài chính	10%	234	10%
Trích quỹ đầu tư phát triển	Tối thiểu 20%	468	20,21%
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		208	8,98%

Trích thường HĐQT		225	
Điều chỉnh khoản tạm ứng thù lao do điều chỉnh số liệu PPLN năm 2021		114	
Điều chỉnh khoản phân phối lợi nhuận do điều chỉnh số liệu PPLN năm 2021		25	
Chia lãi vốn góp cho các thành viên		925	
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối		0	

QTDND Phước Thái thực hiện trích lập các quỹ (quỹ bổ sung vốn điều lệ; quỹ dự phòng tài chính; quỹ đầu tư phát triển) theo đúng tỷ lệ quy định tại Điều 22 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

2.7. Kết quả kiểm tra một số khoản mục trên cân đối kế toán:

- **Về tài sản cố định:** Thời điểm 30/11/2023, nguyên giá tài sản cố định là 5.699 triệu đồng, gồm:

+ Giá trị các tài sản cố định hữu hình 5.199 triệu đồng gồm: nhà cửa, vật kiến trúc trị giá 175 triệu đồng, máy móc thiết bị trị giá 393 triệu đồng, phương tiện vận tải trị giá 4.224 triệu đồng, dụng cụ quản lý trị giá 370 triệu đồng.

+ Giá trị tài sản cố định vô hình 500 triệu đồng là phần mềm máy vi tính.

Chọn mẫu kiểm tra chứng từ kế toán: Ngày 18/01/2022, ghi nhận tài sản cố định xe Mercedes Benz 07 chỗ ngồi, màu đỏ (biển số 60K.050.66, số máy 65195033132718, số khung WDF44781313108581, số tiền 1.200 triệu đồng; Ngày 21/6/2022, ghi nhận tài sản cố định xe mô tô honda (biển số 60H5-000.02, số máy JF63E2415968, số khung RLHJF6320KZ019276), số tiền 50 triệu đồng; Ngày 27/4/2022, ghi nhận tài sản cố định xe Mercedes Benz GLB 200 09 chỗ ngồi, màu xám (biển số 60K-091.46, số máy 28291480634466, số khung W1N2476871W162714), số tiền 2.202 triệu đồng; Ngày 12/8/2022, ghi nhận tài sản cố định điện thoại samsung galaxy S22, số tiền 34 triệu đồng. Kết quả kiểm tra nhận thấy hóa đơn, chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lý với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được hạch toán theo đúng quy định của NHNN Việt Nam và chuẩn mực kế toán.

- **Lãi và phí phải thu từ hoạt động tín dụng:** Thời điểm 31/12/2022 là 5.741 triệu đồng, chiếm 0,63%/tổng dư nợ; Thời điểm 30/11/2023 là 1.732 triệu đồng, chiếm 1,05%/tổng dư nợ. QTDND Phước Thái sử dụng phần mềm kế toán Công ty TNHH CNTT Quang Long, theo đó việc tính và hạch toán lãi dự thu được thực hiện tự động vào ngày cuối cùng hàng tháng. Kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán phát sinh nghiệp vụ dự thu lãi ngày 28/02/2022 và ngày 31/10/2023 nhận thấy QTDND Phước Thái thực hiện tính, hạch toán lãi dự thu

theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam tại Công văn số 397/NHNN-TCKT ngày 15/01/2009.

- **Lãi và phí phải trả cho tiền gửi:** Thời điểm 31/12/2022 là 5.741 triệu đồng, chiếm 2,08%/tổng số dư tiền gửi; Thời điểm 30/11/2023 là 7.318 triệu đồng, chiếm 2,40%/tổng số dư tiền gửi. Kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán phát sinh nghiệp vụ dự chi lãi phải trả tiền gửi ngày 31/01/2022 và ngày 31/11/2023 nhận thấy QTDND Phước Thái thực hiện tính, hạch toán lãi dự chi theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam tại Công văn số 397/NHNN-TCKT ngày 15/01/2009.

- **Các khoản phải thu nội bộ:** Trong thời kỳ thanh tra QTDND Phước Thái phát sinh các khoản phải thu nội bộ, cụ thể:

+ Thời điểm 31/12/2022 số dư các khoản phải thu nội bộ là 1.323 triệu đồng trong đó tạm ứng, phải thu nội bộ là 250 triệu đồng và các khoản phải thu khác là 1.073 triệu đồng (các khoản tạm ứng lãi vốn góp và thù lao HĐQT). Kết quả kiểm tra nhận thấy các khoản tạm ứng phát sinh trong năm 2022, QTDND Phước Thái đã thực hiện hoàn tạm ứng thù lao HĐQT và lãi vốn góp số tiền 1.073 triệu đồng; Số tiền tạm ứng chưa được hoàn là 250 triệu đồng nhưng QTDND Phước Thái không có biện pháp đôn đốc giải quyết dứt điểm các khoản tạm ứng, phải thu nội bộ trong niên độ kế toán theo quy định khi thực hiện xong nghiệp vụ kinh tế là chưa tuân thủ đúng quy định về chế độ kế toán liên quan đến các khoản phải thu nội bộ tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/3/2015 của NHNN Việt Nam về việc ban hành hệ thống kế toán (Công văn số 1687/NHNN-TCKT).

+ Thời điểm 30/11/2023 số dư các khoản phải thu nội bộ là 1.405 triệu đồng trong đó tạm ứng, phải thu nội bộ bằng đồng là 332 triệu đồng và các khoản phải thu khác là 1.073 triệu đồng (các khoản tạm ứng lãi vốn góp và thù lao HĐQT).

Trách nhiệm có liên quan: Giám đốc Ngô Đức Duy, Kế toán trưởng Nguyễn Thị Hoàng Khánh.

2.8. Kết quả kiểm tra việc ghi nhận một số khoản mục liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra như sau:

- **Chi phí cho nhân viên (tài khoản 85):** Chi lương và phụ cấp lương: tổng chi năm 2022 là 10.151 triệu đồng; tổng chi 11 tháng đầu năm 2023 là 8.098 triệu đồng.

Chọn mẫu kiểm tra chứng từ:

+ Ngày 10/01/2022, chi thưởng tết năm 2022, số tiền 1.000 triệu đồng; Ngày 12/01/2022, chi may đồng phục cho CBNV năm 2022, số tiền 125 triệu đồng; Ngày 21/01/2022, trích chi lương tháng 01/2022, số tiền 307 triệu đồng; Ngày 14/03/2022, chi thưởng kinh doanh quý 1/2022, số tiền 600 triệu đồng; Ngày 10/02/2023, chi thưởng tết năm 2023, số tiền 1.000 triệu đồng; Ngày 06/07/2023, chi thưởng kỷ niệm 13 năm ngày thành lập QTD, số tiền 400 triệu đồng nhận thấy chứng từ thanh toán, bảng kê danh sách nhân viên chi lương/thưởng có xác nhận phê duyệt của Giám đốc đầy đủ, hợp lý với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và

được hạch toán theo đúng quy định của NHNN Việt Nam và chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên, các khoản chi lương cho 04 nhân viên tiếp thị (Lê Thị Ánh, Hoàng Thị Long Giang, Thạch Thị Pho Li, Thạch Thị Thanh Lộc) hàng tháng với số tiền 5,27 triệu đồng nhưng không có đủ cơ sở, căn cứ để chi trả lương, không có kết quả báo cáo các sản phẩm, nội dung tiếp thị theo yêu cầu của hợp đồng lao động. Bên cạnh đó, các khoản chi thưởng cho nhân viên qua kiểm tra nhận thấy: Các khoản chi thưởng chọn mẫu kiểm tra việc chi thưởng thực tế không rõ ràng, thống nhất, phù hợp (nhân viên bảo vệ, tạp vụ và nhân viên tiếp thị nhận mức thưởng tết các đợt bằng hoặc cao hơn Phó Giám đốc, nhân viên tín dụng, nhân viên kế toán). QTDND Phước Thái không xây dựng quy chế thưởng cho người lao động nên việc chi thưởng lễ, tết các đợt không có tiêu chí nên không tạo được sự khích lệ, động viên cho nhóm người lao động thuộc các phòng/ban nghiệp vụ có đóng góp vào hiệu quả hoạt động, tạo ra thu nhập cho Quỹ đảm bảo sự công bằng cho người lao động cũng như hạn chế việc lợi dụng để lãng phí, chi tiêu tài chính không hợp lý.

+ Ngày 31/03/2022, chi lương ngoài giờ quý 1/2022 số tiền 150 triệu đồng; ngày 27/07/2022, chi tiền lương ngoài giờ quý 2/2022 số tiền 150 triệu đồng, chỉ có danh sách phê duyệt của Giám đốc chi tiền tăng ca, không có bảng chấm công được Giám đốc trình HĐQT thông qua, danh sách phê duyệt làm ngoài giờ của Giám đốc chưa thể hiện nội dung làm ngoài giờ, số ngày/số giờ làm thêm ngoài giờ..., chưa đúng theo Quyết định số 14/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ QTDND Phước Thái.

- **Chi phí cho hoạt động quản lý và công vụ:** tổng chi năm 2022 là 5.699 triệu đồng; tổng chi 11 tháng đầu năm 2023 là 3.026 triệu đồng.

Chọn mẫu kiểm tra chứng từ chi cho hoạt động quản lý công vụ ngày 17/02/2022, ngày 18/3/2022, ngày 30/6/2022, ngày 27/10/2022, ngày 14/11/2022, ngày 10/3/2023 (mua quà tặng khách hàng, mua văn phòng phẩm, vật liệu, chi tiếp khách..) nhận thấy các khoản chi cho hoạt động quản lý, công vụ hóa đơn, chứng từ thu thập đầy đủ, hợp lý với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được hạch toán theo đúng quy định của NHNN Việt Nam và chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên, qua kiểm tra có một số khoản chi còn tồn tại, thiếu sót về chứng từ thanh toán:

+ Một số khoản chi đi tham quan du lịch nước ngoài được sử dụng từ nguồn tạm ứng chứng từ thanh toán chưa đầy đủ: không có danh sách nhân sự được phê duyệt tham quan khảo sát du lịch nước ngoài, vé máy bay, hộ chiếu, thanh lý hợp đồng du lịch... khi kết thúc nội dung nghiệp vụ. Cụ thể: Ngày 07/07/2022, tạm ứng du lịch Singapore, số tiền 60,74 triệu đồng (đã hoàn tạm ứng ngày 15/7/2023); Ngày 20/10/2022, tạm ứng thanh toán đợt 1 HDDL số 369/HDDL-VT ngày 14/10/2022 tham gia khảo sát thị trường Châu Âu, số tiền 80 triệu đồng và ngày 18/11/2022, tạm ứng thanh toán đợt 2 HDDL số 369/HDDL-VT ngày 14/10/2022, số tiền 97,58 triệu đồng (đã hoàn tạm ứng ngày 31/12/2023); Ngày 14/04/2023, tạm ứng thanh toán Hợp đồng du lịch tham quan khảo sát du lịch Mỹ số 125/HDDLKL-V, số tiền 191,98 triệu đồng (đã hoàn tạm ứng ngày 10/05/2023)

+ Khoản chi thanh toán công tác phí: chứng từ thanh toán chỉ có hóa đơn thanh toán khách sạn, hóa đơn xăng nhưng không có Quyết định/Văn bản cử đi

công tác của Chủ tịch/Giám đốc Quỹ, giấy đi đường..., chưa đúng theo Quyết định số 14/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ QTDND Phước Thái. Cụ thể: Ngày 14/11/2022, chi thanh toán hóa đơn phòng nghỉ của Công ty TNHH MTV khách sạn Trần Vinh, số tiền 1,365 triệu đồng, phân bổ vào tài khoản 8699900-0009 “Chi phí về quản lý công vụ khác” và chi thanh toán xăng dầu, phân bổ vào tài khoản 8614000-0001 “Chi xăng dầu”, số tiền 1,82 triệu đồng; Ngày 07/03/2023, chi thanh toán hóa đơn xăng, phân bổ vào tài khoản 8614000-0001 “Chi xăng dầu”, số tiền 0,91 triệu đồng.

- Chi phí cho tài sản: Chọn mẫu kiểm tra chứng từ chi mua sắm cho tài sản là trang thiết bị, máy móc...nhận thấy các khoản chi thu thập chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lý với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được hạch toán theo đúng quy định của NHNN Việt Nam và chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên, các khoản chi mua sắm công cụ, dụng cụ giá trị nhỏ hạch toán vào chi phí trong kỳ và đưa vào sử dụng, không qua nhập kho nhưng Quỹ không thực hiện mở sổ chi tiết công cụ, dụng cụ để ghi chép, theo dõi số lượng, giá trị của từng loại công cụ, dụng cụ để kiểm kê thực tế nhằm kiểm soát chi phí, tránh mất mát. Cụ thể:

+ Ngày 26/10/2022, thanh toán hóa đơn mua bàn, tủ, giường ngủ của Công ty cổ phần Mộc 22, số tiền 89,20 triệu đồng”. Kỳ ngày 31/10/2022 đến 31/03/2023 phân bổ tài khoản 8740000-0001 “Chi phí mua sắm công cụ lao động”, số tiền 29,73 triệu đồng.

+ Ngày 10/01/2023, thanh toán hợp đồng mua 02 tivi TCL của Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ điện tử Minh, số tiền 19,27 triệu đồng có ủy nhiệm chi, hóa đơn giá trị gia tăng (ký hiệu 1C23TVG, số 8). Kỳ ngày 31/01/2023 đến 31/03/2023 phân bổ chi phí mua sắm công cụ lao động tài khoản 8740000-0001, số tiền 6,42 triệu đồng.

+ Ngày 10/01/2023, thanh toán hợp đồng mua 01 máy giặt Panasonic, số tiền 12,60 triệu đồng. Kỳ ngày 31/01/2023 đến 31/03/2023 phân bổ chi phí mua sắm công cụ lao động tài khoản 8740000-0001, số tiền 4,20 triệu đồng.

+ Ngày 10/01/2023, thanh toán hợp đồng mua 01 bộ nước nóng năng lượng mặt trời của Công ty TNHH giải pháp nhà thông minh và điện mặt trời Phú Hưng, số tiền 14 triệu đồng. Kỳ ngày 31/01/2023 đến 31/03/2023 phân bổ tài khoản 8740000-0001 “Chi phí mua sắm công cụ lao động”, số tiền 4,67 triệu đồng.

+ Ngày 09/01/2023, chi thanh toán hóa đơn mua 03 máy lạnh Sharp AH-X10ZW của Công ty TNHH TMDV Điện máy Minh Châu, số tiền 16,50 triệu đồng có hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/12/2022 (Ký hiệu 1C22TMC, số 4); Chi thanh toán hóa đơn mua 02 máy lạnh Sharp AH-X13ZW và 02 máy lọc không khí Sharp FP-J30E-A của Công ty TNHH TMDV Điện máy Minh Châu, số tiền 17,60 triệu đồng có hóa đơn giá trị gia tăng ngày 13/12/2022 (Ký hiệu 1C22TMC, số 5); Chi thanh toán hóa đơn mua 02 máy lạnh Sharp AH-X13ZW và 01 máy lọc nước Sunhouse, số tiền 17,60 triệu đồng có hóa đơn giá trị gia tăng ngày 14/12/2022 (Ký hiệu 1C22TMC, số 7); Chi thanh toán hóa đơn mua 01 máy lạnh Sharp AH-X10ZW và 01 máy lọc nước Sunhouse SHA8839K, số tiền 9,50 triệu đồng (Ký

hiệu 1C22TMC, số 9). Từ kỳ tháng 01/2023 đến tháng 06/2023, phân bổ hết vào tài khoản 8740000-0001 “Chi phí mua sắm công cụ lao động”, tổng số tiền 77,70 triệu đồng.

+ Ngày 04/01/2023, tạm ứng mua ghế sofa, ghế thư giãn theo đơn đặt hàng, số tiền 29.388.000 đồng và ngày 06/01/2024 hoàn tạm ứng có đơn đặt hàng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04/01/2023 (ký hiệu 1C23CP, số 00020197), công cụ dụng cụ giá trị nhỏ không nhập kho tuy nhiên Quỹ không thực hiện mở sổ chi tiết công cụ, dụng cụ để theo dõi số lượng, giá trị của từng loại công cụ, dụng cụ để kiểm kê thực tế nhằm kiểm soát chi phí, tránh mất mát.

Trách nhiệm có liên quan: Giám đốc Ngô Đức Duy, Kế toán trưởng Nguyễn Thị Hoàng Khánh.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về huy động vốn, chấp hành các quy định về lãi suất

3.1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ và quy định về lãi suất huy động:

- QTDND Phước Thái đã ban hành Quyết định số 03/2019/QĐ-QTD.PT ngày 15/3/2019 về việc ban hành Quy chế tiền gửi tiết kiệm của QTDND Phước Thái, có hiệu lực từ ngày 15/3/2019; Quyết định số 01/QĐ/2022/QTDPT ngày 31/7/2022 của HĐQT QTDND Phước Thái, có hiệu lực từ ngày 01/8/2022.

- Liên quan đến việc quản lý STK trắng, QTDND Phước Thái đã ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-QTD.PT ngày 10/12/2019 “Quy chế quản lý ấn chỉ quan trọng tại QTDND Phước Thái” theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN.

- Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái thực hiện mức lãi suất huy động theo các Quyết định về việc lãi suất huy động tiền gửi, cụ thể: Quyết định số 01/2021/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 03/3/2021; Quyết định số 01/2022/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 23/09/2022; Quyết định số 02/2022/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 26/10/2022; Quyết định số 01/2023/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 03/04/2023; Quyết định số 02/2023/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 25/05/2023; Quyết định số 03/2023/QĐLS-QTD.PT về lãi suất huy động tiền gửi ngày 19/06/2023.

Kết quả kiểm tra nhận thấy: QTDND Phước Thái đã xây dựng và ban hành quy định nội bộ liên quan đến việc nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng, các quy định về lãi suất kịp thời, phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam.

3.2. Việc quy định về biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và niêm yết công khai thông tin về huy động tiền gửi tiết kiệm tại trụ sở giao dịch.

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm; thủ tục giao dịch tiền gửi tiết kiệm; quy định về từng hình thức nhận tiền gửi tiết kiệm; xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất thẻ tiết kiệm; biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm được niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại Điều 21 Thông tư số

48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm (Thông tư số 48/2018/TT-NHNN)

3.3. Thanh tra hoạt động huy động vốn và chấp hành các quy định về lãi suất:

3.3.1. Tình hình huy động vốn:

Căn cứ sao kê tiền gửi của QTDND Phước Thái, tình hình huy động vốn của Quỹ tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022 (1)	30/11/2023 (2)	So Sánh	
			(2) so với (1)	
			Số tiền	Tỷ lệ
TỔNG NGUỒN VỐN	305.559	336.745	31.186	10,21%
Tổng nguồn vốn huy động	278.155	304.832	26.677	9,59%
Vốn chủ sở hữu	19.300	22.012	2.712	14,05%
Mức nhận tiền gửi khách hàng so với VCSH (<20 lần)	14,30	13,85		
A. Huy động vốn từ dân cư, trong đó:	276.055	304.832	28.777	10,4%
I. Phân theo thời hạn	276.055	304.832	28.777	10,4%
1. Tiền gửi KKH	1.002	621	-381	-38,0%
2. Tiền gửi CKH	275.053	304.211	29.158	10,6%
2.1. Từ 01 đến 05 tháng	29.044	32.734	3.690	12,7%
2.2 Từ 06 tháng đến 11 tháng	108.889	118.612	9.723	8,9%
2.3. Từ 12 tháng trở lên	137.120	152.865	15.745	11,5%
II. Phân theo đối tượng	276.055	304.832	28.777	10,4%
1. Tiền gửi của TCKT	0	0	0	0,0%
2. Tiền gửi của cá nhân	276.055	304.832	28.777	10,4%
III. Phân theo thành viên	276.055	304.832	28.777	10,4%
1. Trong thành viên	169.093	196.002	26.909	15,9%
2. Ngoài thành viên	106.962	108.830	1.868	1,7%
Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động vốn (>60%)	61,25%	64,30%	0	5,0%
IV. Phân theo địa bàn	276.055	304.832	28.777	10,4%
1. Tại địa bàn hoạt động	211.953	238.479	26.526	12,5%
2. Ngoài địa bàn hoạt động	64.102	66.353	2.251	3,5%
Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn	76,78%	78,23%	0	1,9%
B. Vay vốn từ NH HTX	2.100	0	-2.100	-100,0%
Tỷ lệ vốn vay/tổng huy động	0,8%	0,0%	0	-100,0%

Đến 30/11/2023, tổng nguồn vốn huy động của QTDND Phước Thái đạt 304.832 triệu đồng, trong đó: Tiền gửi của khách hàng là 304.832 triệu đồng, chiếm 100% tổng nguồn vốn huy động; Tiền vay từ NHHTX 0 đồng, chiếm tỷ lệ

0% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động tiền gửi của khách hàng vẫn là nguồn quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu nguồn vốn huy động tại QTDND Phước Thái, chủ yếu là kỳ hạn từ 6 tháng đến 11 tháng và trên 12 tháng, phù hợp với định hướng và quy mô hoạt động của Quỹ. Cụ thể:

- Đối việc huy động vốn từ dân cư:

+ Vốn huy động phân theo kỳ hạn: Tiền gửi không kỳ hạn: 621 triệu đồng, chiếm 0,2% so với nguồn vốn huy động; Tiền gửi có kỳ hạn: 304.211 triệu đồng, chiếm 99,8% so với nguồn vốn huy động, gồm: Tiền gửi từ 1 tháng – 5 tháng là 32.734 triệu đồng, chiếm 10,74% vốn huy động; Tiền gửi từ 06 tháng – 11 tháng là 118.612 triệu đồng chiếm 38,91% vốn huy động; Tiền gửi từ 12 tháng là 152.865 triệu đồng chiếm 50,15% vốn huy động.

+ Vốn huy động phân theo địa bàn: Trong địa bàn: 238.479 triệu đồng, chiếm 78,23% vốn huy động; Ngoài địa bàn: 66.353 triệu đồng, chiếm 21,74% vốn huy động.

+ Vốn huy động phân theo đối tượng: Trong thành viên: 196.002 triệu đồng, chiếm 64,3% vốn huy động; Ngoài thành viên: 108.830 triệu đồng, chiếm 35,7% vốn huy động.

- Đối với việc huy động vốn từ việc vay NHHTX: QTDND Phước Thái thực hiện huy động vốn qua hình thức vay vốn từ NHHTX Chi nhánh Đồng Nai, cụ thể: năm 2022 phát sinh 01 khoản vay, dư nợ: 2.100 triệu đồng, tuy nhiên đến 30/11/2023 QTDND Phước Thái không còn dư nợ tại NHHTX.

Nhìn chung hoạt động huy động vốn của QTDND Phước Thái chủ yếu là từ dân cư, có sự tăng trưởng ổn định qua các thời điểm, phù hợp với loại hình và quy mô hoạt động về kỳ hạn và địa bàn huy động. Tại thời điểm 30/11/2023, Quỹ không vay vốn NHHTX Chi nhánh Đồng Nai, cho thấy hoạt động của Quỹ khá uy tín trên địa bàn, tạo niềm tin đối với thành viên nên luôn chủ động trong nguồn vốn huy động từ dân cư, đáp ứng được nhu cầu vay vốn của thành viên. Tuy nhiên, QTDND Phước Thái chưa thực hiện điều chỉnh, cân đối được giữa nguồn vốn huy động và cho vay dẫn đến chưa tối ưu trong công tác huy động vốn, cụ thể: Đến 30/11/2023, QTDND Phước Thái đang có số dư tiền gửi tại các TCTD khác là 35.335 triệu đồng (trong đó tiền gửi tại NHHTX là 32.179 triệu đồng), chiếm 11,59% vốn huy động nhưng Quỹ vẫn áp dụng lãi suất huy động vốn đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên (lãi suất huy động thỏa thuận) tương đối cao hơn so với mặt bằng chung về lãi suất huy động của các TCTD trên địa bàn dẫn đến nguồn vốn huy động tăng cao trong khi tốc độ tăng trưởng dư nợ tương đối thấp, nguồn vốn huy động dư phải gửi tại NHHTX với mức lãi suất thấp hơn cùng 1 kỳ hạn huy động.

- Về tỷ lệ vốn huy động so với vốn chủ sở hữu: Tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là 14,3 lần; Thời điểm 30/11/2023 là 13,85 lần, đảm bảo tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN: “....3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: 2. QTDND phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.....”.

- **Về tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động:** Tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động tại thời điểm 31/12/2022 đạt 61,25%; thời điểm 30/11/2023 đạt 64,30%. Như vậy tại các thời điểm 31/12/2022 và 30/11/2023 đều có tỷ lệ tiền gửi huy động từ thành viên lớn hơn 60% tổng số dư tiền gửi, đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư 04/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN) “2... *Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....*”.

*** Kiểm tra sổ tiết kiệm (STK) trắng:**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái đã sử dụng STK theo mẫu do NHHTX ban hành theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN. Quỹ thực hiện kiểm kê, đối chiếu STK trắng vào cuối mỗi tháng và công khai mẫu STK trắng tại trụ sở Quỹ theo quy định tại tiết c điểm 3 khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

Việc sử dụng STK trắng: Kiểm tra sổ theo dõi ấn chỉ quan trọng trong thời kỳ thanh tra nhận thấy Quỹ xuất sổ theo nhu cầu thực tế, khi có khách hàng gửi tiền mới thực hiện xuất sổ lượng sổ tương ứng để phát hành sổ tiền gửi và xuất theo thứ tự seri sổ đảm bảo dễ theo dõi, quản lý và báo cáo. Xuất STK được theo dõi hàng ngày vừa trên phần mềm vừa cập nhật trên sổ theo dõi ấn chỉ trắng được viết tay. Trong thời kỳ thanh tra, STK trắng xuất sử dụng thể hiện trên phiếu xuất kho tài sản khớp đúng về số lượng, số seri theo dõi trên sổ sách với thực tế xuất sử dụng. STK bị hỏng đã thành lập Hội đồng tiêu hủy theo quy định. Việc xuất, nhập STK trắng Quỹ đã thực hiện mở sổ kế toán chi tiết theo dõi từng ấn chỉ trắng quan trọng, định kỳ hàng tháng QTDND Phước Thái thực hiện tổng hợp chung số lượng xuất, nhập ấn chỉ trắng và hạch toán trên tài khoản 999 “Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản” đúng theo quy định tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/3/2015 của NHNN Việt Nam.

3.3.2. Thanh tra việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi:

- **Về áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi:** Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái đã áp dụng các chương trình khuyến mại, quà tặng khách hàng thường xuyên như quà tết nguyên đán, bánh trung thu, ... thực hiện đăng ký qua Sở Công thương tỉnh Đồng Nai theo quy định.

- **Về chi hoa hồng môi giới:** Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Phước Thái không thực hiện chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động huy động vốn

3.3.3. Thanh tra việc nhận tiền gửi của khách hàng:

- Qua kết quả rà soát danh sách khách hàng gửi tiền nhận thấy chứng minh nhân dân (CMND) của một số khách hàng đã hết thời hạn hiệu lực tại thời điểm giao dịch (quá 15 năm) nhưng QTDND Phước Thái chưa thực hiện cập nhật thông tin CMND/CCCD mới của khách hàng gồm: (1) Trần Thị Bích Lan số CMND 270252137 cấp ngày 08/04/2004; (2) Hồ Ngọc Linh số CMND 270715148 cấp ngày 13/03/2003; (3) Dương Thị Hỷ số CMND 201156362 cấp ngày 14/06/1989; (4) Nguyễn Đình Long số CMND 271096215 cấp ngày 29/10/2007;

(5) Võ Mộng Chi số CMND 194306276 cấp ngày 29/09/2003; (6) Ngô Tường Hy số CMND 024595797 cấp ngày 08/08/2007. Như vậy, QTDND Phước Thái đã thực hiện giao dịch đối với một số khách hàng chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN: “*Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền là Giấy CMND hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc Giấy khai sinh của cá nhân chưa đủ 14 tuổi*”. Theo đó, thời hạn hiệu lực của Giấy CMND quy định tại Mục 4 Phần I Thông tư số 04/1999/TT-BCA/C13 của Bộ trưởng Bộ Công An ngày 24/4/1999 ban hành Thông tư hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về CMND quy định như sau: “4. *Số và thời hạn sử dụng của CMND...CMND có giá trị sử dụng 15 năm...*”.

- Kết quả chọn mẫu kiểm tra chứng từ huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn các ngày 20/6/2023, 27/6/2023, 25/7/2023, 19/9/2023, 07/10/2023, 18/11/2023 đối với 54 STK có kỳ hạn với tổng số tiền 35.661 triệu đồng, nhận thấy: Việc huy động vốn tại QTDND Phước Thái có đầy đủ chứng từ (gồm giấy gửi tiền, thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu xuất ngoại bảng, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt), các nội dung cần thiết ghi trên STK đã thể hiện đầy đủ và được hạch toán theo quy định; Lãi suất áp dụng ghi trên STK theo đúng quy định về biểu lãi suất ban hành trong từng thời kỳ. Việc huy động vốn của QTDND Phước Thái đã thực hiện theo đúng quy trình nội bộ và quy định tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN.

3.3.4. Thanh tra chọn mẫu việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động:

- Kết quả kiểm tra việc áp dụng lãi suất huy động tại một số thời điểm nhận thấy: cơ bản QTDND Phước Thái đã áp dụng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm từ 01 tháng đến dưới 06 tháng không vượt mức lãi suất quy định của NHNN Việt Nam. Việc chi trả tiền gửi có đầy đủ các chứng từ theo quy định như giấy lĩnh tiền, sổ tiết kiệm, thẻ lưu, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt, bảng kết hợp chứng từ và được hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời, đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cụ thể:

- **Về việc khách hàng tắt toán đúng hạn:** Kiểm tra chọn mẫu chứng từ tắt toán đúng hạn của 13 STK của 12 khách hàng tiền gửi với tổng số dư tiền gửi 23.055 triệu đồng gồm: (1) Nguyễn Thị Bình STK số AC1126295 số dư 2.100 triệu đồng; (2) Nguyễn Thị Trang STK số AC1126685, số dư tiền gửi 2.000 triệu đồng; (3) Nguyễn Thị Bình STK số AC0928447 số dư 2.000 triệu đồng; (4) Đặng Thị Ngọc Diệp STK số AC1126183 số dư 2.000 triệu đồng; (5) Phạm Huy Hiều STK số AC1126731 số dư 1.900 triệu đồng; (6) Lai Kim Thanh STK số AC1126704 số dư 1.805 triệu đồng; (7) Võ Thị Hương STK số AC1126578 số dư 1.600 triệu đồng; (8) Phan Thanh Phong STK số AC1125444 số dư 1.600 triệu đồng; (9) Nguyễn Thị Ngọc Đẹp STK số AC1126708 số dư 1.500 triệu đồng; (10) Nguyễn Minh Sơn STK số AC0928701 số dư 1.500 triệu đồng; (11) Nguyễn Tuyết Nga STK số AC1125522 số dư 1.500 triệu đồng; (12) Nguyễn Văn Bắc STK số AC1126834 số dư 1.500 triệu đồng và STK số AC1126813 số dư 2.000 triệu đồng. Kết quả thanh tra nhận thấy, QTDND Phước Thái áp dụng lãi suất theo mức lãi suất ghi trên STK đối với các STK có kỳ hạn đến hạn và

thực hiện tính lãi theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 5, Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 “Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi suất và chia cho 365”.

- **Về việc khách hàng tắt toán trước hạn:** Kiểm tra một số khách hàng đã tắt toán trước hạn số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với 29 STK của 24 khách hàng, số dư tiền gửi 68.681 triệu đồng gồm: (1) Nguyễn Thị Thủy STK số AC1125994 số dư 5.200 triệu đồng và STK số AC1126076 số dư 5.000 triệu đồng; (2) Dương Thị Ngọc Ánh STK số AC0928797 số dư 4.500 triệu đồng; (3) Nguyễn Như Ngọc Hạnh STK số AC1125864 số dư 4.000 triệu đồng; (4) Trần Kim STK số AC0928401 số dư 3.491 triệu đồng, STK số AC1126021 số dư 2.700 triệu đồng và STK số AC0927545 số dư 3.381 triệu đồng; (5) Nguyễn Thị Sinh Tiên STK số AC1125926 số dư 3.200 triệu đồng; (6) Ngô Tường Hy STK số AC0928395 số dư 3.000 triệu đồng và STK số AC1127417 số dư 2.800 triệu đồng; (7) Trần Văn Chương STK số AC0928013 số dư 3.000 triệu đồng; (8) Nguyễn Can Đảm STK số AC092418 số dư 3.000 triệu đồng; (9) Trần Thọ Gia STK số AC0928561 số dư 2.500 triệu đồng; (10) Nguyễn Thị Bình STK số AC0927684 số dư 2.367 triệu đồng; (14) Lai Kim Thanh STK số AC0926815 số dư 2.195 triệu đồng; (15) Đặng Thị Ngọc STK số AC1126954 số dư 3.000 triệu đồng; (16) Nguyễn Trung Lai STK số AC1126915 số dư 1.793 triệu đồng, STK số AC1128429 số dư 1.752 triệu đồng, STK số AC1128452 số dư 1.600 triệu đồng, STK số AC1127698 số dư 1.000 triệu đồng và STK số AC1127699 số dư 1.000 triệu đồng; (17) Nguyễn Văn Bắc STK số AC1126834 số dư 1.500 triệu đồng; (18) Nguyễn Thị Ngọc Đẹp STK số AC1127695 số dư 1.300 triệu đồng; (19) Nguyễn Thị Đồng STK số AC1127032 số dư 1.200 triệu đồng; (20) Mai Thế Hiền STK số AC1127268 số dư 1.200 triệu đồng; (21) Nguyễn Ngọc Tú Uyên STK số AC1127390 số dư 1.000 triệu đồng; (22) Mai Thị Hành STK số AC1127680 số dư 1.000 triệu đồng; (23) Hoàng Thị Kim Duyên STK số AC1128255 số dư 1.000 triệu đồng; (24) Trần Ngọc Tuấn STK số AC1128326 số dư 1.000 triệu đồng. Kết quả thanh tra nhận thấy, QTDND Phước Thái áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với các số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn rút trước hạn nêu trên đúng quy định tại Điều 1, Thông tư 04/2011/TT-NHNN ngày 10/3/2011 của NHNN Việt Nam quy định áp dụng lãi suất trong trường hợp tổ chức, cá nhân rút tiền gửi trước hạn tại tổ chức tín dụng và tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của NHNN Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài “...1.Trường hợp khách hàng rút trước hạn toàn bộ tiền gửi: tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi...”.

- **Về việc khách hàng rút 01 phần gốc:** Kiểm tra chọn mẫu 14 khách hàng rút trước 01 phần gốc với số dư đến 30/11/2023 là 16.170 triệu đồng gồm: (1) Dương Thị Ngọc Ánh STK số AC1127623 số dư 2.000 triệu đồng; (2) Nguyễn Thị Bình STK số AC1127007 số dư 1.300 triệu đồng; (3) Phạm Văn Tư STK số AC1127485 số dư 1.200 triệu đồng; (4) Phan Thanh Hải STK số AC1128110 số dư

1.150 triệu đồng; (5) Trần Lệ Thủy STK số AC0928787 số dư 1.100 triệu đồng và STK số AC0928786 số dư 950 triệu đồng; (6) Nguyễn Thị Lượng STK số AC1126963 số dư 1.020 triệu đồng; (7) Nguyễn Văn Tuấn STK số AC1126342 số dư 1.000 triệu đồng; (8) Nguyễn Thị Bích Hạnh STK số AC1126969 số dư 1.000 triệu đồng; (9) Dương Xuân Quỳnh STK số AC1126625 số dư 1.000 triệu đồng; (10) Nguyễn Anh Thùy STK số AC1127172 số dư 1.000 triệu đồng. Kết quả thanh tra nhận thấy, kể từ ngày 01/8/2022 QTDND Phước Thái thực hiện chỉ trả tiền lãi cho phần gốc rút trước hạn theo mức lãi suất không kỳ hạn và tiếp tục duy trì phần tiền gửi còn lại với kỳ hạn thỏa thuận ban đầu và áp dụng mức lãi suất theo lãi suất ghi trên sổ đối với số tiền gốc còn lại đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của NHNN Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3.4. Về kết quả đối chiếu, xác minh khách hàng tiền gửi:

Kiểm tra đối chiếu, xác minh 30 khách hàng tiền gửi với tổng số dư 64.956 triệu đồng, chiếm 21,31% vốn huy động tại thời điểm 30/11/2023. Kết quả đối chiếu: các khách hàng đều xác nhận số dư tiền gửi, số sổ tiền gửi tiết kiệm thực tế khớp đúng thông tin trên sổ sách của Quỹ và ngoài khoản tiền lãi nhận theo mức lãi suất trên sổ khách hàng không nhận thêm bất cứ khoản lãi nào khác (*chi tiết tại Biểu số 3 – Danh sách đối chiếu, xác minh khách hàng tiền gửi tại QTDND Phước Thái*).

3.5. Về việc kiểm quỹ tiền mặt đột xuất:

Kết quả kiểm tra đột xuất quỹ tiền mặt trong thời gian thanh tra (thời điểm lúc 16 giờ 30 phút ngày 08/01/2024) tại QTDND Phước Thái nhận thấy quỹ tiền mặt thực tế và trên sổ sách kế toán là không khớp nhau, nguyên nhân: thừa tiền lẻ trong giao dịch, số tiền nhỏ lẻ nên khách hàng không nhận, cụ thể:

- Tồn quỹ tiền mặt thực tế là 2.071.899.700 đồng;
- Tồn quỹ tiền mặt trên sổ sách là 2.071.896.916 đồng;
- Chênh lệch giữa sổ sách so với thực tế: 2.784 đồng.

4. Thanh tra chấp hành quy chế cho vay, phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng

4.1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ:

QTDND Phước Thái đã ban hành một số chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, gồm:

- Quy chế hoạt động cho vay vốn ban hành theo Quyết định số 07/2016/QĐ-QTD.PT ngày 26/3/2016 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế hoạt động cho vay số 12/2019/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2019, số 16/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/202, số 06/2023/QĐ-QTDPT ngày 30/8/2023;

- Quy chế về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro ban hành theo Quyết định số 17/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021;

- Quy chế về giảm, miễn lãi vay vốn đối với khách hàng QTDND Phước Thái ban hành theo Quyết định số 08/2019/QĐ-QTDPT ngày 19/8/2019 và Quyết định số 12/2021/QĐ-QTDPT ngày 14/9/2021 sửa đổi bổ sung một số điều quy chế về giảm, miễn lãi vay vốn đối với khách hàng;

- Quy định về thi hành bộ Luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ban hành theo Quyết định 01/QĐ/2022/QTDPT ngày 12/12/2022;

- Quy định về việc QTDND Phước Thái cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn ban hành theo Quyết định số 05/2023/QĐ-QTDPT ngày 05/5/2023;

Về cơ bản Quỹ đã xây dựng được một hệ thống các chính sách, quy định nội bộ về hoạt động cho vay dựa trên các văn bản quy định của NHNN Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan phù hợp về loại hình hoạt động.

4.2. Thực trạng tín dụng tại một số thời điểm:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	30/11/2023	So sánh	
		(1)	(2)	(2) so với (1)	
Số tiền					
+/- (%)					
I. Cho vay khách hàng TCKT, cá nhân					
1	Phân theo thành viên	273.486	296.011	22.525	8,24%
	- Cho vay thành viên	271.972	293.447	21.475	7,90%
	- Cho vay ngoài thành viên	1.514	2.564	1.050	69,35%
2	Phân loại nợ theo thời gian	273.486	296.011	22.525	8,24%
	- Cho vay ngắn hạn	204.213	218.411	14.198	6,95%
	- Cho vay trung	64.756	72.576	7.820	12,08%
	- Cho vay dài hạn	4.517	5.024	507	11,22%
3	Phân loại theo mục đích vay	116.479	296.011	179.532	154,13%
	- Đầu tư bất động sản	0	0	0	0
	- Sản xuất nông nghiệp	25.841	33.325	7.484	28,96%
	- Kinh doanh dịch vụ	85.795	99.678	13.883	16,18%
	- Tiêu dùng	4.843	163.008	158.165	3265,85%
4	Phân theo TSDB	273.486	296.011	22.525	8,24%
	- Có tài sản đảm bảo	233.319	252.924	19.605	8,40%
	- Giữ sổ (không đăng ký GDBĐ)	8.387	10.601	2.214	26,40%
	- Không tài sản đảm bảo	31.780	32.486	706	2,22%
5	Phân theo nhóm nợ	273.486	296.011	22.525	8,24%
	- Nợ đủ tiêu chuẩn (N1)	263.786	268.080	4.294	1,63%
	- Nợ cần chú ý (N2)	8.604	23.224	14.620	169,92%
	- Nợ dưới tiêu chuẩn (N3)	602	587	-15	-2,49%
	- Nợ nghi ngờ (N4)	270	3.688	3.418	1265,93%
	- Nợ có khả năng mất vốn (N5)	224	432	208	92,86%
	* Nợ xấu (nhóm 3-5)	1.096	4.707	3.611	329,47%
	* Tỷ lệ nợ xấu	0,40%	1,59%	0	296,79%
II. Việc chấp hành các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay					

1	Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng/Vốn tự có	14,8%	14,9%		
2	Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng và người có liên quan/Vốn tự có	22%	20,4%		
3	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	14,85%	15,21%		

(Nguồn: Theo số liệu báo cáo của QTDND Phước Thái)

*** Về hoạt động cho vay:** Tổng dư nợ của QTDND Phước Thái đến 30/11/2023 là 296.011 triệu đồng, so với 31/12/2022 tăng 22.525 triệu đồng, tỷ lệ tăng 8,24%. Trong đó:

- *Dư nợ phân theo thành viên:* Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTD: 293.447 triệu đồng, chiếm 99,1% dư nợ; Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTD: 2.564 triệu đồng, chiếm 0,9% dư nợ. Đây là khoản cho vay cầm cố sổ tiền gửi do Quỹ phát hành.

- *Dư nợ phân theo thời gian:* Cho vay ngắn hạn: 218.411 triệu đồng, chiếm 73,78% tổng dư nợ; Cho vay trung hạn: 72.576 triệu đồng, chiếm 24,52% tổng dư nợ; Cho vay dài hạn: 5.024 triệu đồng, chiếm 1,7% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo mục đích cho vay:* Tiêu dùng: 163.008 triệu đồng, chiếm 55,1% tổng dư nợ; Sản xuất nông nghiệp: 33.325 triệu đồng, chiếm 11,3% tổng dư nợ; Kinh doanh dịch vụ: 99.678 triệu đồng, chiếm 33,6% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo:* Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản: 252.924 triệu đồng, chiếm 85,5% tổng dư nợ; Dư nợ không có bảo đảm bằng tài sản: 43.087 triệu đồng, chiếm 14,5% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo nhóm nợ:* Nợ nhóm 1: 268.080 triệu đồng, chiếm 90,6% tổng dư nợ; Nợ nhóm 2: 23.224 triệu đồng, chiếm 7,8% tổng dư nợ; Nợ nhóm 3: 587 triệu đồng, chiếm 0,2% tổng dư nợ; Nợ nhóm 4: 3.688 triệu đồng, chiếm 1,2% tổng dư nợ; Nợ nhóm 5: 432 triệu đồng, chiếm 0,2% tổng dư nợ;

Nợ xấu (nhóm 3,4,5): Đến 30/11/2023, nợ xấu QTDND Phước Thái là 4.707 triệu đồng chiếm 1,59% tổng dư nợ, so với thời điểm 31/12/2022 tăng 3.610 triệu đồng, tỷ lệ tăng 329,3%.

Với lợi thế địa bàn hoạt động còn khá ít các TCTD, Quỹ đã tạo được niềm tin và tập trung lượng vốn lớn nhằm hỗ trợ thành viên vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất nông nghiệp, đời sống để phát triển kinh tế gia đình. Nhìn chung, trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của Quỹ được duy trì khá ổn định, tuy nhiên chất lượng tín dụng chưa được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng từ 0,4% thời điểm 31/12/2022 lên 1,59% thời điểm 30/11/2023.

*** Việc hành các tỷ lệ trong hoạt động cho vay**

- Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng/vốn tự có: thời điểm 31/12/2022, dư nợ tối đa của 01 khách hàng là 2.850 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,8% vốn tự có; thời điểm 30/11/2023 dư nợ tối đa của 01 khách hàng là 3.300 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,9% vốn tự có, tỷ lệ cho vay không vượt quá 15% vốn tự có.

- Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng và người có liên quan/vốn tự có: thời điểm 31/12/2022, dư nợ tối đa của 01 khách hàng và người có liên quan là 3.350 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 22% vốn tự có; thời điểm 30/11/2023 dư nợ tối đa của 01 khách hàng và người có liên quan là 4.500 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 20,4% vốn tự có, tỷ lệ cho vay không vượt quá 25% vốn tự có.

- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn: thời điểm 31/12/2022, nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung dài hạn là 39.447 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,85%; thời điểm 30/11/2023 nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung dài hạn là 44.018 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 15,21%, không vượt quá 30% tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn.

Như vậy, QTDND Phước Thái đã tuân thủ các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-NHNN; Tỷ lệ dư nợ cho vay có tài sản đảm bảo/tổng dư nợ được duy trì ổn định và ở mức khá cao với tỷ lệ trên 85,4% dư nợ cho vay sẽ giúp Quỹ giảm nguy cơ mất vốn trong trường hợp phát sinh các khoản nợ có vấn đề.

4.3. Việc chấp hành quy chế cho vay

- Kết quả thanh tra: Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 257 hồ sơ tín dụng của 124 khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 30/11/2023 là 179.997 triệu đồng, chiếm 66,9% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.2-Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 220 hồ sơ nợ nhóm 1 với tổng dư nợ 160.405 triệu đồng; (ii) 28 hồ sơ nợ nhóm 2 với dư nợ 15.982 triệu đồng; (iii) 09 hồ sơ nợ xấu với tổng dư nợ 3.608 triệu đồng, chiếm 77% nợ xấu.

- Vi phạm phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến các tồn tại, sai phạm gồm 241 hồ sơ tín dụng của 120 khách hàng với tổng dư nợ có sai phạm là 172.502 triệu đồng, chiếm 95,4% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.1-Tổng hợp sai phạm về cho vay đính kèm*); các sai phạm mang tính phổ biến, nhất là trong công tác thẩm định xét duyệt cho vay và kiểm tra, giám sát vốn vay, thể hiện khá nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành, hoạt động của Ban tín dụng. Cụ thể như sau:

4.3.1. Về hồ sơ vay vốn:

QTDND Phước Thái thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như:

- Về hồ sơ, tài liệu liên quan đến thực hiện phương án: Phương án cho vay chăn nuôi quy mô lớn không có xác nhận của cấp có thẩm quyền về hoạt động chăn nuôi, hồ sơ pháp lý của trang trại chăn nuôi; Phương án xây nhà nhưng không giấy phép xây dựng; Phương án bổ sung vốn kinh doanh nhưng không có giấy đăng ký kinh doanh hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh của khách hàng.

- Về hồ sơ, tài liệu liên quan đến khả năng trả nợ của khách hàng: Chưa thu thập hồ sơ, tài liệu thể hiện quy mô, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính của khách hàng. Nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh

hộ gia đình nhưng không thu thập sổ sách ghi chép, bảng kê thu mua hàng, đơn đặt hàng, biên lai nộp thuế ...liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng; nguồn trả nợ từ lương không có sao kê lương, hợp đồng lao động; nguồn trả nợ từ chăn nuôi quy mô lớn nhưng không có xác nhận của cấp có thẩm quyền cấp phép về hoạt động chăn nuôi.

Tổng sai phạm về hồ sơ vay vốn gồm 65 khách hàng, 119 món vay với tổng dư nợ 88.588 triệu đồng, chiếm 49,2% so với dư nợ cho vay được kiểm tra, *(Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm)*

Đơn cử một số khách hàng như: (1) Nguyễn Văn Thảo, dư nợ 2.000 triệu đồng; (2) Bùi Quang Thái, dư nợ 2.200 triệu đồng; (3) Đỗ Thị Tước, dư nợ 1.000 triệu đồng; (4) Lê Thị Kim Liên, dư nợ 2.900 triệu đồng; (5) Nguyễn Văn Kính, dư nợ 1.638 triệu đồng; (6) Nguyễn Thành Hiệp, dư nợ 3.200 triệu đồng; (7) Nguyễn Thị Thanh Hằng, dư nợ 786 triệu đồng; (8) Chu Thị Thùy Nguyên, dư nợ 2.800 triệu đồng; (9) Lâm Ngọc Hạnh, dư nợ 2.450 triệu đồng; (10) Nguyễn Thanh Tiền, dư nợ 1.600 triệu đồng; (11) Nguyễn Thị Hải, dư nợ 300 triệu đồng; (12) Nguyễn Thị Thu Nguyệt, dư nợ 2.297 triệu đồng; (13) Nguyễn Thị Xuân, dư nợ 2.230 triệu đồng; (14) Phạm Văn Khang, dư nợ 1.700 triệu đồng; (15) Huỳnh Thị Mai, dư nợ 1.500 triệu đồng; (16) Lê Thị Thảo, dư nợ 1.150 triệu đồng; (17) Nguyễn Thị Nhung, dư nợ 2.150 triệu đồng; (18) Trần Văn Phòng, dư nợ 2.375 triệu đồng; (19) Hồ Quý Khoa, dư nợ 1.500 triệu đồng; (20) Hồ Thị Toàn, dư nợ 2.740 triệu đồng;....

Việc QTDND Phước Thái chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 và Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023) (sau đây gọi Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung).

Những người có liên quan: Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt

4.3.2. Về điều kiện vay vốn:

QTDND Phước Thái thẩm định và cấp tín dụng đối với 03 khách hàng (04 hợp đồng tín dụng) với tổng dư nợ 5.700 triệu đồng không có phương án vay vốn khả thi, không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật cụ thể:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung “Điều 17. Thẩm định và quyết định cho vay: 1. Tổ chức tín dụng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để xem xét quyết định cho vay. ...”. QTDND Phước Thái đã thẩm định và cấp tín dụng đối với 03 khách hàng không có phương án vay vốn khả thi là không đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung “Điều 7. Điều kiện vay vốn: Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau

đây: 1. Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; 2. Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp; 3. Có phương án sử dụng vốn khả thi; 4. Có khả năng tài chính để trả nợ” gồm:

(1) Khách hàng Lê Trung Kiên, hợp đồng tín dụng số 1-0041791 ngày 10/02/2023, dư nợ 2.000 triệu đồng. Thẩm định và xét duyệt cho vay phương án hoàn tiền mua đất thửa số 11, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.236,9m² tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 771062 do Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/11/2021 với số tiền 2.000 triệu đồng để trả cho người thân. Tuy nhiên, trong hồ sơ tín dụng thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số DC 771062 được sang tên cho ông Lê Trung Kiên và bà Ngô Thị Xuân ngày 03/5/2022 với hình thức tặng cho, thực tế khách hàng không phát sinh giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên phương án hoàn tiền mua đất là không khả thi.

(2) Khách hàng Nguyễn Thị Lài, hợp đồng tín dụng số 1-0043112 ngày 24/10/2023, dư nợ 1.500 triệu đồng. Thẩm định và xét duyệt cho vay phương án hoàn tiền mua đất thửa 272, tờ bản đồ số 49, diện tích 469m² tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo GCNQSDĐ số CH 189778 (CH 189779) do Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/01/2017, theo đó khách hàng Nguyễn Thị Lài mua phần đất đồng sở hữu của Nguyễn Thị Thương từ nguồn gốc đất bố mẹ cho tặng. Tuy nhiên trong hồ sơ tín dụng thể hiện thửa đất này đang thế chấp tại QTDND Phước Thái với người ký giao dịch thế chấp là Nguyễn Thị Lài – Nguyễn Thị Thương, không có hồ sơ chuyển nhượng sang tên từ bà Nguyễn Thị Thương cho bà Nguyễn Thị Lài nên phương án hoàn tiền mua đất là không khả thi.

(3) Khách hàng Lâm Ngọc Hạnh, hợp đồng tín dụng số 1-0043156 ngày 03/11/2023, dư nợ 1.800 triệu đồng, và hợp đồng tín dụng số 1-0043198 ngày 17/11/2023, dư nợ 400 triệu đồng. Thẩm định, xét duyệt phương án hoàn tiền mua đất thửa 144, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.000,7m² tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo GCNQSDĐ số DD 146589 do Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/3/2022 với số tiền cho vay 2.200 triệu đồng. Tuy nhiên, trong hồ sơ tín dụng thể hiện GCNQSDĐ số DD 146589 được sang tên cho Lâm Ngọc Hạnh – Nguyễn Thanh Tùng ngày 22/3/2022 với hình thức tặng cho, thực tế khách hàng không phát sinh giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên phương án hoàn tiền mua đất là không khả thi.

Hành vi trên vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 Mục 5 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021) “Điều 14. Vi phạm quy định về cấp tín dụng: 5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: b) Cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều

kiện theo quy định của pháp luật”. Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Nguyễn Trung Lai – Chủ tịch HĐQT; Giám đốc Ngô Đức Duy; Phó Giám đốc Hà Trọng Hùng; Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt.

4.3.3. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:

QTDND Phước Thái thẩm định và xét duyệt cho vay còn sơ sài, chỉ ghi chung chung số liệu nhu cầu vay vốn, chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn như:

- Thẩm định, xét duyệt cho vay đối với các nhu cầu vay xây nhà, sửa nhà, nhưng chưa thẩm định hồ sơ pháp lý xây dựng, địa điểm xây dựng, kết cấu xây dựng,... để có căn cứ thẩm định xét duyệt nhu cầu vốn; Cho vay mục đích bổ sung vốn kinh doanh nhưng chưa mô tả địa điểm, quy mô, tính pháp lý của hoạt động kinh doanh, nguồn đầu vào – đầu ra, hiệu quả của phương án vay vốn, chưa thực hiện xem xét, đánh giá, tính toán căn cứ theo thực tế hoạt động kinh doanh, khả năng cạnh tranh của khách hàng trên địa bàn; Cho vay hoàn vốn để bù đắp phần vốn thuộc sở hữu của khách hàng thời hạn từ thời điểm thanh toán cho đến thời điểm giải ngân từ hơn 02 năm – 05 năm là tương đối dài, khó kiểm soát dòng tiền của khách hàng, đảm bảo khách hàng sử dụng đúng mục đích; Cho vay mua xe cơ giới nhưng không đánh giá cụ thể từng loại xe (xe mua mới hay đã qua sử dụng), mục đích mua xe để làm gì (cho thuê hay khách hàng sử dụng để kinh doanh), chưa đánh giá hiệu quả của việc sử dụng vốn vay;...

- Định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp với khả năng tài chính, chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng: khách hàng vay vốn cùng một mục đích nhưng định kỳ hạn trả nợ khác nhau; khách hàng vay vốn có nguồn thu nhập thường xuyên từ lương, hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng lại định kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ dễ dẫn đến rủi ro trong hoạt động tín dụng; Thẩm định nguồn vốn khả dụng tích lũy không đủ trả gốc vào cuối kỳ, nguồn thu nhập để trả nợ phụ thuộc gần như hoàn toàn vào phương án vay vốn, nguồn trả nợ gốc chưa chắc chắn và đảm bảo (từ bán đất), tuy nhiên báo cáo thẩm định chưa đánh giá mức độ rủi ro nguồn thu của khách hàng và chưa thu thập các nguồn thông tin, đánh giá các nguồn thu nhập khác để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn.

- Đánh giá khả năng tài chính chưa chặt chẽ, chưa thẩm định chính xác thông tin nợ vay của khách hàng tại các TCTD khác để xem xét khả năng trả nợ tại Quỹ có thể đảm bảo trả nợ trong thời hạn theo hợp đồng tín dụng.

- Khách hàng có nhiều hợp đồng tín dụng nhưng không đánh giá tổng thể khách hàng, thẩm định đối với khoản phát sinh lần sau không liên kết thông tin với khoản vay lần trước; Chia khoản vay thành các nhiều hợp đồng tín dụng với các loại kỳ hạn vay khác nhau nhưng không đánh giá, thẩm định tổng thể về phương án vay vốn, khả năng tài chính, về nhu cầu vốn; do vậy các thông tin liệt kê riêng lẻ trong từng báo cáo thẩm định lặp đi lặp lại, không phù hợp đối với toàn bộ phương án vay vốn.

Tổng sai phạm về công tác thẩm định gồm 112 khách hàng (219 khoản vay) với tổng dư nợ 158.850 triệu đồng, chiếm 88,25% dư nợ kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*)

+ Đơn cử một số khách hàng như: (1) Nguyễn Văn Thảo, dư nợ 2.000 triệu đồng; (2) Bùi Quang Thái, dư nợ 2.200 triệu đồng; (3) Đoàn Thị Kim Dung, dư nợ 2.950 triệu đồng; (4) Định Thị Thu Hồng, dư nợ 2.700 triệu đồng; (5) Trần Liêm (03 khoản vay), dư nợ 2.939 triệu đồng; (6) Nguyễn Thành Hiệp, dư nợ 3.200 triệu đồng; (7) Huỳnh Long, dư nợ 2.389 triệu đồng; (8) Nguyễn Thị Nhung, dư nợ 2.150 triệu đồng; (9) Hồ Thị Phùng Hân, dư nợ 2.000 triệu đồng; (10) Trần Quốc Bảo, dư nợ: 3.108 triệu đồng; (11) Võ Tấn Công, dư nợ: 1.886 triệu đồng; (12) Lại Thành Trung, dư nợ: 2.100 triệu đồng; (13) Nguyễn Thị Hà, dư nợ: 1.500 triệu đồng; (14) Nguyễn Công Cường, dư nợ 1.040 triệu đồng; (15) Trần Thị Bạch Tuyết, dư nợ 1.433 triệu đồng; (16) Hồ Thị Toàn, dư nợ 2.740 triệu đồng; (17) Huỳnh Long, dư nợ 2.389 triệu đồng; (18) Huỳnh Ngọc Tâm Như, dư nợ 2.431 triệu đồng; (19) Trần Thị Phụng, dư nợ 1.300 triệu đồng; (20) Chu Thị Thùy Nguyên, dư nợ 2.800 triệu đồng;....

+ Riêng đối với khách hàng Võ Thị Núi, dư nợ 342 triệu đồng, phân loại nợ nhóm 2: khách hàng liên tục trả nợ trễ hạn đối với khoản vay trả góp bổ sung vốn kinh doanh trái cây và hoàn tiền mua xe từ thời điểm năm 2020 nhưng tại thời điểm xét duyệt cho vay khoản vay sửa chữa nhà ngày 03/01/2023, QTDND Phước Thái vẫn thẩm định và cấp tín dụng cho khách hàng là không đúng theo quy định nội bộ tại khoản 3 Điều 10 Quy chế về hoạt động cho vay vốn QTDND Phước Thái ban hành theo quyết định số 16/2021/QĐ/QTDPT ngày 08/10/2021 “QTD xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:...*tại thời điểm vay vốn không có nợ quá hạn*”.

Việc thẩm định những khách hàng nêu trên là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Phước Thái.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Nguyễn Trung Lai – Chủ tịch HĐQT; Giám đốc Ngô Đức Duy; Phó Giám đốc Hà Trọng Hùng; Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt.

4.3.4. Về kiểm tra, giám sát vốn vay:

QTDND Phước Thái có thực hiện kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay không đầy đủ theo quy định, chỉ đánh giá chung khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo nguồn trả nợ, chưa theo dõi sát sao và đánh giá chặt chẽ tài chính của khách hàng, không thu thập tài liệu, theo dõi, đánh giá lại nguồn trả nợ từ kinh doanh tại thời điểm kiểm tra; Chưa mô tả cụ thể việc sử dụng vốn vay và nguồn trả nợ của khách hàng sau khi cho vay; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng, việc thu thập chứng từ sử dụng vốn mang tính hình thức, chỉ thu thập được chứng từ sử dụng vốn với số tiền nhỏ lẻ so với khoản vay; Khách

hàng thường xuyên đóng tiền trễ hạn nhưng không có biện pháp nhắc nhở, biên bản kiểm tra vẫn đánh giá khách hàng trả nợ tốt, có trường hợp khách hàng phát sinh nợ cần chú ý trong thời gian dài nhưng QTDND Phước Thái không phân tích đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng, vẫn tiếp tục thực hiện cấp tín dụng thêm cho khách hàng.

Tổng sai phạm về kiểm tra, giám sát gồm 88 khách hàng (186 khoản vay) với tổng dư nợ 122.350 triệu đồng, chiếm 68% so với dư nợ được kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*).

Đơn cử một số khách hàng như: (1) Nguyễn Văn Thảo, dư nợ 2.000 triệu đồng; (2) Bùi Quang Thái, dư nợ 2.200 triệu đồng; (3) Đoàn Thị Kim Dung, dư nợ 2.950 triệu đồng; (4) Trần Ngọc Hải, dư nợ 1.900 triệu đồng; (5) Lê Thị Kim Nhung, dư nợ 1.133 triệu đồng; (6) Võ Thị Thúy, dư nợ 1.900 triệu đồng; (7) Nguyễn Tam Tài, dư nợ 1.425 triệu đồng; (8) Nguyễn Thanh Tiên, dư nợ: 2.100 triệu đồng; (9) Lê Đức Hùng, dư nợ 3.244 triệu đồng; (10) Phạm Xuân Biết, dư nợ 1.225 triệu đồng; (11) Lê Văn Vân, dư nợ 2.136 triệu đồng; (12) Trần Quốc Bảo, dư nợ: 3.108 triệu đồng; (13) Võ Tấn Công, dư nợ 1.886 triệu đồng; (14) Nguyễn Thị Thu Nguyệt, dư nợ 2.297 triệu đồng; (15) Nguyễn Thị Xuân, dư nợ 2.230 triệu đồng; (16) Nguyễn Đức Mẫu, dư nợ 1.900 triệu đồng; (17) Biện Văn Phúc, dư nợ 2.031 triệu đồng; (18) Lại Thành Trung, dư nợ: 2.100 triệu đồng; (19) Nguyễn Thị Hà, dư nợ 1.500 triệu đồng; (20) Trần Thị Thương, dư nợ 2.500 triệu đồng;....

Việc QTDND Phước Thái kiểm tra, giám sát sử dụng vốn sau khi cho vay chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

Những người có liên quan: Phó Giám đốc Hà Trọng Hùng; Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt.

4.3.5. Vấn đề khác:

- QTDND Phước Thái đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai cấp phép thêm nội dung hoạt động “Cung ứng dịch vụ chuyển tiền qua kênh thanh toán CF-ebank của NHHTX Việt Nam” tại Quyết định số 81/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 30/5/2023. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ vay nhận thấy Quỹ chưa đẩy mạnh, phát huy hiệu quả dịch vụ ngân hàng điện tử cho các thành viên vay vốn, toàn bộ các khoản vay giải ngân sau thời điểm được cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền đều được giải ngân bằng tiền mặt, chưa tuân thủ về phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định tại Thông tư số 21/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư số 21/2017/TT-NHNN).

- Về độ tuổi cho vay: đối với trường hợp khách hàng Trần Thị Phụng (sinh năm 1945), dư nợ 1.300 triệu đồng: QTDND Phước Thái cho khách hàng vay vốn có độ tuổi trên 70 tuổi là vi phạm quy định nội bộ tại quy chế cho vay của quỹ liên

quan đến giới hạn tuổi vay của khách hàng: “khách hàng có đầy đủ sức khỏe, còn có khả năng lao động, tuổi không quá 70 tuổi (trừ vay cầm cố bằng sổ tiền gửi), trường hợp thành viên quá 70 tuổi nhưng sức khỏe còn tốt, kinh tế gia đình do người này quyết định, thì việc quyết định cho vay do Ban tín dụng quyết định và phải ghi vào biên bản”. Tuy nhiên trong báo cáo thẩm định và biên bản họp Ban tín dụng không đánh giá, xem xét đến nội dung này để làm căn cứ thẩm định và xét duyệt cho vay.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Nguyễn Trung Lai – Chủ tịch HĐQT; Giám đốc Ngô Đức Duy; Phó Giám đốc Hà Trọng Hùng; Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt.

4.3.6. Cảnh báo rủi ro:

- QTDND Phước Thái định giá tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất chỉ ghi chung chung thông tin về thửa đất và được định giá theo giá trung bình giữa giá UBND tỉnh công bố (giá nhà nước) và giá thị trường. Tuy nhiên chi tiết tính giá theo đơn giá UBND tỉnh không căn cứ vị trí đất để xác định đơn giá; giá trị trường đưa ra chưa đảm bảo độ tin cậy, chỉ ghi thông tin tham khảo từ tên cá nhân kèm số điện thoại, chưa mô tả vị trí đất, đường đi, địa hình, hình dáng, loại đất...chưa có các thông tin các bất động sản tương tự giao dịch mua bán trên các trang web, để làm căn cứ xác định chính xác giá trị tài sản đảm bảo; Một số trường hợp định giá cao hơn nhiều lần (cao hơn từ 10 lần – 20 lần) so với đơn giá của UBND tỉnh trong từng thời kỳ. Việc định giá tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất chưa đầy đủ thông tin, tài liệu như nêu trên dẫn đến xác định giá trị tài sản đảm bảo có thể cao hơn giá trị đang giao dịch thực tế, gây rủi ro trong việc phê duyệt cho vay xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

- Việc cho vay/nhận TSĐB của khách hàng/bên thế chấp TSĐB đối với những khách hàng lớn tuổi tiềm ẩn rủi ro (*tranh chấp với các bên có quyền lợi liên quan trong hộ gia đình*) trong quá trình xử lý tài sản khi phát sinh nợ có vấn đề đối với khoản vay của khách hàng. QTDND Phước Thái cần thường xuyên cập nhật, kiểm tra tình hình khách hàng và có biện pháp kiểm soát/hạn chế rủi ro phát sinh, đồng thời QTDND Phước Thái cần xem xét, nghiên cứu về ngưỡng giới hạn tuổi cho vay (*tính đến thời điểm tất toán khoản vay*) đối với khách hàng/chủ sở hữu tài sản bảo đảm tiền vay để hạn chế các rủi ro pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của QTDND Phước Thái.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Nguyễn Trung Lai – Chủ tịch HĐQT; Giám đốc Ngô Đức Duy; Phó Giám đốc Hà Trọng Hùng; Cán bộ tín dụng Mai Quốc Việt.

4.3.7. Kết quả chọn mẫu kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn tại QTDND Phước Thái:

Kết quả chọn mẫu kiểm tra, xác minh thực tế 86 khách hàng vay vốn tại QTDND Phước Thái với tổng dư nợ 138.499 triệu đồng, chiếm 76,9% tổng dư nợ kiểm tra (*Chi tiết tại biểu 1- Danh sách khách hàng vay được đối chiếu, xác minh tại QTDND Phước Thái*). Qua đối chiếu xác minh: thông tin và chữ ký

khách hàng xác minh trùng khớp với hồ sơ vay vốn tại Quỹ, khách hàng xác nhận việc vay vốn tại Quỹ để bản thân sử dụng, nhận đúng số tiền vay vốn ghi trên hợp đồng, sử dụng vốn theo nội dung ghi trên hợp đồng tín dụng; các tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn cung cấp cho Quỹ chưa đầy đủ do không ghi chép, lưu giữ lại.

4.4. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro (DPRR)

4.4.1. Tình hình phân loại nợ, trích lập DPRR và sử dụng DPRR tại QTDND Phước Thái:

QTDND Phước Thái thực hiện phân loại nợ và trích lập DPRR định kỳ hàng quý. Tình hình phân loại nợ, trích lập DPRR và sử dụng DPRR tại thời điểm 30/11/2022 (quý IV/2022) và 30/11/2023 (quý IV/2023) như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2022			Quý IV/2023		
	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Tổng dư nợ nội bảng	290.219	2.174	567	296.011	2.217	1.591
2. Phân loại nợ	290.219	2.174	567	296.011	2.217	1.591
- Nhóm 1	279.341	2.095	0	273.223	2.049	0
- Nhóm 2	9.394	70	120	18.094	136	266
- Nhóm 3	816	6	101	587	4	117
- Nhóm 4	272	2	136	3.675	28	831
- Nhóm 5	396	0	210	432	0	377
3. Tỷ lệ nợ xấu	0,51%			1,58%		
4. Nợ đã xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng	0			0		
5. Kết quả thu hồi nợ đã XLRR trong kỳ	0			0		

(Nguồn: Báo cáo về phân loại nợ, trích lập dự phòng của QTDND Phước Thái)

4.4.2. Kết quả thanh tra về công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng DPRR:

- **Về phân loại nợ:** Chọn mẫu kiểm tra 257 hồ sơ tín dụng của 124 khách hàng vay vốn còn dư nợ đến thời điểm 30/11/2023 gồm 220 hồ sơ nợ nhóm 1 với tổng dư nợ 160.407 triệu đồng, 28 hồ sơ nợ nhóm 2 với dư nợ 15.982 triệu đồng, 06 hồ sơ nhóm 4 với dư nợ 3.340 triệu đồng, 03 hồ sơ nhóm 5 với dư nợ 268 triệu đồng, nhận thấy việc phân loại nợ của QTDND Phước Thái đến 30/11/2023 theo đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN) và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN), cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Nhóm	Tổng dư nợ của QTDND Phước Thái	Dư nợ của 124 khách hàng được kiểm tra		
		Số liệu của QTDND Phước Thái	Số liệu của Đoàn thanh tra	Kết quả thanh tra so với báo cáo tăng (+), giảm (-)
1	273.223	160.405	160.405	0
2	18.094	15.984	15.984	0
3	587	0	0	0
4	3.675	3.340	3.340	0
5	432	268	268	0
Nợ xấu (nhóm 3+4+5)	4.694	3.608	3.608	0
Nợ xấu/Tổng dư nợ (%)	1,59%			
Tổng cộng	296.011	179.997	179.997	0

- **Về trích lập dự phòng:** QTDND Phước Thái trích lập dự phòng quý IV/2022 trên cơ sở số liệu về dư nợ cho vay tại thời điểm 30/11/2022 và quý IV/2023 trên cơ sở số liệu về dư nợ cho vay tại thời điểm 30/11/2023 theo đúng quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, cụ thể:

Chỉ tiêu	Quý IV/2022	Quý IV/2023
Dự phòng cụ thể	567	1.591

Dự phòng chung	2.174	2.217
----------------	-------	-------

- **Về sử dụng DPRR để xử lý rủi ro tín dụng:** Trong kỳ từ 01/01/2022 đến 30/11/2023 không phát sinh trường hợp sử dụng dự phòng rủi ro cũng như thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra từ 01/01/2022 đến 30/11/2023, QTDND Phước Thái đã thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR phù hợp với phù hợp với Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNN Việt Nam.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua kết quả thanh tra tại QTDND Phước Thái, nhìn chung trong thời kỳ thanh tra QTDND Phước Thái đã có nhiều cố gắng trong công tác quản trị, điều hành, huy động vốn và cho vay đáp ứng nhu cầu vốn của thành viên, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra trong các lĩnh vực hoạt động:

- Vốn điều lệ: có xu hướng tăng qua các năm, từng bước nâng cao năng lực tài chính của Quỹ.

- Thực trạng tài chính: Hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo được quyền lợi cho các thành viên của Quỹ.

- Công tác huy động: cơ bản phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam

- Hoạt động tín dụng: Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên của Quỹ có thể tiếp cận được nguồn vốn vay một cách kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện cuộc sống, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương và hạn chế tình trạng tín dụng đen trên địa bàn; Tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay, nợ xấu được kiểm soát dưới 3% tổng dư nợ cho vay;

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Phước Thái còn một số tồn tại, sai phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục, cụ thể:

1. Về thực hiện chế độ cáo báo trong việc chuyển nhượng vốn góp của thành viên có tỷ lệ 5-10% vốn điều lệ: QTDND Phước Thái chưa thực hiện báo cáo NHNN CN tỉnh Đồng Nai về việc chuyển nhượng vốn góp của những thành viên có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% vốn điều lệ là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 05/2018/TT-NHNN.

2. Về thu chi tài chính

- Việc ban hành quy định, chính sách nội bộ về hoạt động thu chi tài chính: Quy định tài chính của Quỹ QTDND Phước Thái chưa có nội dung quy định về việc lưu trữ chứng từ kế toán do đó qua chọn mẫu kiểm tra chứng từ kế toán một số thời điểm việc lưu trữ chứng từ kế toán chưa thực hiện đúng quy định, chưa đảm bảo được việc quản lý chặt chẽ và thuận tiện cho việc tra cứu, lưu trữ.

- Việc thực hiện quy định về chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán bằng giấy phát sinh trong tháng sau khi được đóng tập không được đánh số thứ tự chứng từ,

ngoài bì tập chứng từ không ghi số lượng chứng từ trong tập và đánh số nhật ký chứng từ là không đúng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng.

- Kết quả kiểm tra một số khoản mục trên cân đối kế toán trong thời kỳ thanh tra:

+ Các khoản phải thu nội bộ: Các khoản tạm ứng năm 2022 vẫn còn số dư tạm ứng cần phải thu là 1.323 triệu đồng nhưng QTDND Phước Thái không có biện pháp đôn đốc giải quyết dứt điểm các khoản tạm ứng, phải thu nội bộ trong niên độ kế toán, các khoản tạm ứng chưa hoàn lại theo quy định khi thực hiện xong nghiệp vụ kinh tế là chưa tuân thủ đúng quy định về chế độ kế toán liên quan đến các khoản phải thu nội bộ tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/3/2015.

- Kết quả kiểm tra việc ghi nhận một số khoản mục liên quan đến chi phí hoạt động của QTDND Phước Thái trong thời kỳ thanh tra:

+ Chi phí cho nhân viên: Việc chi thưởng thực tế không rõ ràng, thống nhất, phù hợp (nhân viên bảo vệ, tạp vụ và nhân viên tiếp thị nhận mức thưởng tết các đợt bằng hoặc cao hơn Phó Giám đốc, nhân viên tín dụng, nhân viên kế toán). QTDND Phước Thái không xây dựng quy chế thưởng cho người lao động nên việc chi thưởng lễ, tết các đợt không có tiêu chí nên không tạo được sự khích lệ, động viên cho nhóm người lao động thuộc các phòng/ban nghiệp vụ có đóng góp vào hiệu quả hoạt động, tạo ra thu nhập cho Quỹ đảm bảo sự công bằng cho người lao động cũng như hạn chế việc lợi dụng để lãng phí, chi tiêu tài chính không hợp lý; Chi thanh toán ngoài giờ cho nhân viên không có bảng chấm công được Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua, danh sách phê duyệt làm ngoài giờ của Giám đốc chưa thể hiện nội dung làm ngoài giờ, số ngày/số giờ làm thêm ngoài giờ..., chưa đúng theo Quyết định số 14/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ QTDND Phước Thái.

+ Chi phí cho hoạt động quản lý và công vụ: Một số khoản chi đi tham quan du lịch nước ngoài được sử dụng từ nguồn tạm ứng chứng từ thanh toán chưa đầy đủ, các khoản chi đi tham quan nước ngoài không có danh sách nhân sự được phê duyệt tham quan khảo sát du lịch nước ngoài, vé máy bay, hộ chiếu, thanh lý hợp đồng du lịch... khi kết thúc nội dung nghiệp vụ; Khoản chi thanh toán công tác phí chứng từ thanh toán chỉ có hóa đơn thanh toán khách sạn, hóa đơn xăng không có Quyết định/Văn bản cử đi công tác của Chủ tịch/Giám đốc Quỹ, giấy đi đường..., chưa đúng theo Quyết định số 14/2021/QĐ-QTDPT ngày 08/10/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ QTDND Phước Thái.

+ Chi phí cho tài sản: công tác phê duyệt mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ chưa được kiểm soát chặt chẽ, Quỹ có file theo dõi giá trị tài sản, công cụ dụng cụ giá trị lớn để phân bổ dần vào chi phí tuy nhiên chưa thể hiện phòng/ban, cá nhân đang quản lý, sử dụng. Bên cạnh đó, qua kiểm tra nhận thấy hàng năm Quỹ chưa xây dựng kế hoạch, dự toán mua sắm, trang bị tài sản, công cụ lao động để đảm bảo việc mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế lãng phí,



mua sắm vừa đủ và phục vụ vào hoạt động của Quỹ, giúp minh bạch trong quá trình quản lý, kiểm soát chi tiêu. Đồng thời, các khoản chi mua công cụ lao động giá trị nhỏ hạch toán vào chi phí trong kỳ không qua nhập kho tuy nhiên các đợt kiểm kê Quỹ không thực hiện mở sổ chi tiết công cụ, dụng cụ để ghi chép, theo dõi số lượng, giá trị của từng loại công cụ, dụng cụ để kiểm kê thực tế nhằm kiểm soát chi phí, tránh mất mát.

3. Về chấp hành quy chế cho vay

- **Về hồ sơ vay vốn:** QTDND Phước Thái thực hiện cho vay đối với 65 khách hàng (119 hợp đồng tín dụng), tổng dư nợ 88.588 triệu đồng nhưng chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

- **Về điều kiện vay vốn:** QTDND Phước Thái thẩm định và cấp tín dụng đối với 03 khách hàng (04 hợp đồng tín dụng) với tổng dư nợ 5.700 triệu đồng không có phương án vay vốn khả thi, không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 Mục 5 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021. Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

- **Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:** QTDND Phước Thái thẩm định và xét duyệt cho vay còn sơ sài, chỉ ghi chung chung số liệu nhu cầu vay vốn, chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn và đảm bảo khả năng trả nợ đối với 112 khách hàng (219 hợp đồng tín dụng), tổng dư nợ 158.850 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Phước Thái.

- **Về kiểm tra, giám sát vốn vay:** QTDND Phước Thái có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay không đầy đủ theo quy định; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng...đối với 88 khách hàng (186 hợp đồng tín dụng) với tổng dư nợ sai phạm 122.350 triệu đồng là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung.

- **Vấn đề khác:** QTDND Phước Thái đã được NHNN CN tỉnh Đồng Nai cấp phép thêm nội dung hoạt động “Cung ứng dịch vụ chuyển tiền qua kênh thanh toán CF-ebank của NHHTX Việt Nam” tại Quyết định số 81/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 30/5/2023. Tuy nhiên, Quỹ chưa đẩy mạnh, phát huy hiệu quả dịch vụ ngân hàng điện tử cho các thành viên vay vốn, toàn bộ các khoản vay giải ngân sau thời điểm được cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền đều được giải ngân bằng tiền mặt, chưa tuân thủ về phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định tại Thông tư số 21/2017/TT-NHNN. Ngoài ra, theo quy chế cho vay của QTDND Phước Thái không cho vay đối với khách hàng trên 70 tuổi nhưng Quỹ vẫn cấp tín

dụng cho 01 khách hàng có độ tuổi trên 70 là vi phạm quy định nội bộ tại quy chế cho vay của quỹ liên quan đến giới hạn tuổi vay của khách hàng.

- Cảnh báo rủi ro:

+ QTDND Phước Thái định giá tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất được định giá theo giá trung bình giữa giá UBND tỉnh công bố (giá nhà nước) và giá thị trường. Tuy nhiên, chi tiết tính giá theo đơn giá UBND tỉnh không căn cứ vị trí đất để xác định đơn giá; giá trị trường đưa ra chưa đảm bảo độ tin cậy, để làm căn cứ xác định chính xác giá trị tài sản đảm bảo; Một số trường hợp định giá cao hơn nhiều lần (cao hơn từ 10 lần – 20 lần) so với đơn giá của UBND tỉnh trong từng thời kỳ. Việc định giá tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất chưa đầy đủ thông tin, tài liệu như nêu trên dẫn đến xác định giá trị tài sản đảm bảo có thể cao hơn giá trị đang giao dịch thực tế, gây rủi ro trong việc phê duyệt cho vay xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

+Việc cho vay/nhận TSĐB của khách hàng/bên thế chấp TSĐB đối với những khách hàng lớn tuổi tiềm ẩn rủi ro (*tranh chấp với các bên có quyền lợi liên quan trong hộ gia đình*) trong quá trình xử lý tài sản khi phát sinh nợ có vấn đề đối với khoản vay của khách hàng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 24/01/2024 đối với hành vi cấp tín dụng đối với 03 khách hàng với tổng dư nợ 5.700 triệu đồng không đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật (chi tiết tại điểm 4.3.2 Mục II- Kết quả kiểm tra, xác minh) và đã chuyển hồ sơ đề nghị Chánh Thanh tra, giám sát Chi nhánh xử phạt theo quy định.

Ngày 31/01/2024, Chánh Thanh tra giám sát Chi nhánh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng đối với QTDND Phước Thái với mức xử phạt 8,5 triệu đồng.

Ngày 05/02/2024, QTDND Phước Thái đã tiến hành nộp phạt vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai theo biên lai số 0003748 với số tiền nộp phạt là 8,5 triệu đồng.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Chánh thanh tra, giám sát NHNN CN tỉnh Đồng Nai yêu cầu HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc QTDND Phước Thái tổ chức và hoạt động theo đúng quy định; rà soát toàn bộ những tồn tại, sai phạm để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Rút kinh nghiệm trong việc chưa thực hiện báo cáo chuyên nhượng vốn góp của những thành viên có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% vốn điều lệ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 05/2018/TT-NHNN.

2. QTDND Phước Thái ban hành quy định về việc lưu trữ chứng từ kế toán đúng quy định đảm bảo quản lý chặt chẽ và thuận tiện cho việc tra cứu, lưu trữ; Xây dựng quy chế thưởng cho người lao động đảm bảo sự công bằng cho người lao động cũng như hạn chế việc lợi dụng để lãng phí, chi tiêu tài chính không hợp lý.



Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán mua sắm, trang bị tài sản, công cụ lao động để đảm bảo việc mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ hiệu quả, đáp ứng hoạt động của Quỹ, giúp minh bạch trong quá trình quản lý, kiểm soát chi tiêu. Mở sổ theo dõi, kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ nhập kho và không qua nhập kho, nội dung kiểm kê phải thể hiện được phòng/ban, cá nhân đang sử dụng, quản lý nhằm kiểm soát chi phí, tránh mất mát. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

3. Yêu cầu QTDND Phước Thái thực hiện tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ phải tuân thủ đúng quy định về chế độ kế toán liên quan đến các khoản phải thu nội bộ tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT. Giải quyết dứt điểm các khoản tạm ứng, phải thu nội bộ trong niên độ kế toán năm 2022, số tiền tạm ứng cần hoàn là 250 triệu đồng.

4. Đối với các khoản chi chưa thu thập đầy đủ chứng từ thanh toán: Chi thanh toán ngoài giờ, số tiền 150 triệu đồng; Chi thanh toán công tác phí, số tiền 4,1 triệu đồng; Chi lương cho các nhân viên tiếp thị với số tiền trả hàng tháng 5,27 triệu đồng/nhân viên; Chi tham quan du lịch với tổng số tiền 430,30 triệu đồng đã được nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh, yêu cầu QTDND Phước Thái bổ sung đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật. Trường hợp không bổ sung được yêu cầu QTDND Phước Thái thu hồi các khoản chi đã nêu trên. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Giám đốc/Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thường xuyên kiểm kê, rà soát lại các khoản chi đặc biệt là các khoản chi phí có giá trị lớn trong năm tài chính, thực hiện mua sắm tài sản, công cụ lao động và chi tiêu nội bộ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí và đảm bảo chi đúng nhu cầu, đúng đối tượng, sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Quỹ; Rà soát đối với các chứng từ thu, chi chưa được thanh tra và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quản lý thu, chi tài chính của Quỹ, quy trách nhiệm cho tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định (nếu có).

6. QTDND Phước Thái cập nhật thông tin về CMND/CCCD/hộ chiếu của 06 khách hàng tiền gửi đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh để đảm bảo giấy tờ xác minh thông tin của khách hàng còn hiệu lực theo quy định.

7. Rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn, đảm bảo hồ sơ vay vốn phải đầy đủ, đúng quy định trước khi thẩm định, xét duyệt cho vay. Bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định đối với 65 khách hàng, tổng dư nợ 88.588 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

8. Chấn chỉnh công tác kiểm tra sử dụng vốn vay. Biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng nguồn trả nợ và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng khi nhận thấy có dấu hiệu suy giảm; thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn đối với 88 khách hàng tổng dư nợ 122.350 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm

tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

9. Rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định đối với 112 khách hàng (219 khoản vay) với tổng dư nợ 158.850 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng thẩm định và xét duyệt cho vay đối với các khoản cho vay phát sinh mới, chú trọng thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn, thực trạng tài chính, đảm bảo đánh giá chặt chẽ phương án vay vốn của khách hàng, định kỳ hạn trả nợ phù hợp tình hình tài chính của khách hàng, chu kỳ sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ của khách hàng, hạn chế rủi ro mất vốn do khách hàng suy giảm tài chính, áp lực trả nợ cuối kỳ không trả được nợ.

10. Kiểm điểm trách nhiệm đối với:

- Ban tín dụng QTDND Phước Thái trong việc cho khách hàng vay vốn không đảm bảo các điều kiện cho vay theo quy định của pháp luật đối với khách hàng Lê Trung Kiên dư nợ 2.000 triệu đồng, khách hàng Nguyễn Thị Lài dư nợ 1.500 triệu đồng, khách hàng Lâm Ngọc Hạnh dư nợ 2.200 triệu đồng và không đảm bảo các điều kiện cho vay theo quy định nội bộ của QTDND Phước Thái đối với khách hàng Võ Thị Núi, dư nợ 300 triệu đồng và khách hàng Trần Thị Phụng dư nợ 1.300 triệu đồng. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

- Các cá nhân có liên quan đến các tồn tại, sai phạm được nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh; đồng thời xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, rà soát toàn bộ những nội dung chưa được thanh tra, lưu ý kiểm tra công tác tín dụng, theo dõi công tác chỉnh sửa sau thanh tra nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

11. Khuyến nghị:

- Việc thực hiện các biện pháp trong việc định giá TSĐB là các QSDĐ, định giá phải mô tả tài sản đảm bảo, phải có các thông tin, tài liệu để làm cơ sở cho việc định giá bất động sản, hạn chế rủi ro trong việc xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

- QTDND Phước Thái cần xem xét, nghiên cứu về ngưỡng giới hạn tuổi cho vay đối với khách hàng/chủ sở hữu tài sản bảo đảm tiền vay để hạn chế các rủi ro pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của QTDND Phước Thái.

- QTDND Phước Thái ban hành bổ sung quy định nội bộ về cho vay bù đắp phần vốn thuộc sở hữu của khách hàng thời hạn từ thời điểm thanh toán cho đến thời điểm giải ngân phù hợp với mục đích từng khoản vay, quy định cụ thể thời gian tính từ thời điểm trên chứng từ thanh toán cuối cùng đến thời điểm giải ngân để giảm thiểu rủi ro trong việc kiểm soát dòng tiền và vốn tự có của khách hàng./.

Yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc QTDND Phước Thái tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc

chấn chỉnh sau thanh tra gửi về NHNN CN tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 44 trang và các biểu mẫu do Đoàn Thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- QTDND Phước Thái (để thực hiện);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- Giám đốc NHNN Đồng Nai (để báo cáo);
- Phó Giám đốc Lê Xuân Hường (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi sau thanh tra);
- Lưu: VT; TTGS; HSTTr.

Đính kèm:

- Biểu số 1, biểu số 2, biểu số 3.
- Phụ lục 2, phụ lục 3, phụ lục 4.1, phụ lục 4.2.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT



Nguyễn Thanh Thủy